



CÔNG TY CP ĐƯỜNG KON TUM
Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh
Quang, Thành phố Kon Tum

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kon Tum, ngày 29 tháng 11 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Thời gian tổ chức: Từ 8h00 đến 11h00 ngày 21 tháng 12 năm 2021.

Địa điểm tổ chức : Trụ sở Công ty cổ phần Đường Kon Tum.

Thời gian	Nội dung:
7h00 - 8h00	- Cổ đông đăng nhập tham dự trực tuyến. - Báo cáo kết quả kiểm tra và điều kiện tiến hành Đại hội.
8h00 - 8h20	- Chào cờ; Tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu. - Thông qua chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội. - Giới thiệu và thông qua thành phần Đoàn chủ tọa; Thư ký Đại hội; Ban kiểm phiếu.
8h20 - 8h30	- Tuyên bố khai mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.
8h30 - 9h15	- Tổng giám đốc Báo cáo tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh năm 2020-2021; Phương hướng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021-2022. - Hội đồng quản trị Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020-2021; kế hoạch hoạt động năm 2021-2022; - Ban kiểm soát Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020-2021 và chương trình kế hoạch hoạt động năm 2021-2022;
9h15 - 10h	Trình Đại hội 08 nội dung: 1. Thông qua Tờ trình của HĐQT về Báo cáo tóm tắt báo cáo tài chính 2020-2021 đã được kiểm toán; 2. Thông qua Tờ trình của HĐQT về việc Phân phối lợi nhuận năm 2020-2021; 3. Thông qua Tờ trình của HĐQT về phê duyệt quyết toán Thù lao của HĐQT, BKS năm 2020-2021; dự kiến thù lao và kinh phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2021-2022; 4. Thông qua tờ trình của HĐQT về việc chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021-2022; 5. Thông qua Tờ trình của HĐQT về kế hoạch SXKD năm 2021-2022; 6. Thông qua Tờ trình sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (Sửa đổi theo Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính); 7. Thông qua Tờ trình ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (Theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính); 8. Thông qua Tờ trình ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (Theo Thông tư số

Chương trình Đại hội ĐCĐTN 2021-KTS

Thời gian	Nội dung:
	116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính);
10h00 - 10h30	- Đại hội thảo luận và giải trình các ý kiến - Đại hội biểu quyết thông qua các Báo cáo và tờ trình Đại hội
10h30- 10h45	- Một số nội dung khác của CỎ đồng tại Đại hội (nếu có).
10h45 - 11h00	- Thông qua Biên bản và Nghị quyết Đại hội. - Tuyên bố bế mạc Đại hội.



GIẤY ỦY QUYỀN

(V/v tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

1. BÊN ỦY QUYỀN:

Tên cá nhân/tổ chức:
CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số:
Ngày cấp: Nơi cấp:
Mã cổ đông:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Email:
Số cổ phần đại diện/sở hữu: (Bằng chữ:
..... cổ phần)

2. BÊN NHẬN ỦY QUYỀN:

Tên cá nhân:
CMND/CCCD/Hộ chiếu/CNĐKDN số:
Ngày cấp: Nơi cấp:
Địa chỉ:
Điện thoại:
Email (*):
Số cổ phần được ủy quyền: (Bằng chữ:
..... cổ phần)

Lưu ý: Trong trường hợp cổ đông không thể tham dự và không ủy quyền được cho người khác, quý cổ đông vui lòng ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT của Công ty dưới đây:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Đánh dấu chọn	Số CP ủy quyền
01				

Cách ghi:

- Ủy quyền cho một người (đối với cổ đông là cá nhân): Vui lòng đánh dấu (X) bên cạnh tên thành viên mà quý cổ đông chọn ủy quyền, chỉ chọn ủy quyền cho một người toàn bộ số cổ phần sở hữu;
- Ủy quyền cho nhiều người (đối với cổ đông là tổ chức): Cổ đông là tổ chức được ủy quyền cho tối đa 03 người, đề nghị quý cổ đông ghi rõ số lượng cổ phần ủy quyền cho từng thành viên.

3. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

- Bên nhận ủy quyền được đại diện cho Bên ủy quyền thực hiện việc tham dự đại hội trực tuyến và thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ tại Đại hội đồng cổ đông tương ứng với số cổ phần được ủy quyền.
- Giấy Ủy quyền này chỉ có hiệu lực trong thời gian tổ chức đại hội của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum năm 2021.
- Chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm về việc ủy quyền này và cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh các quy định hiện hành của Pháp luật và Điều lệ của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum.

Ngày ... tháng ... năm 2021

NGƯỜI NHẬN ỦY QUYỀN

(Ký, Họ tên, Đóng dấu)

NGƯỜI ỦY QUYỀN

(Ký, Họ tên, Đóng dấu)

Ghi chú: Giấy ủy quyền này chỉ có hiệu lực khi được gửi về Ban tổ chức trước lúc Đại hội khai mạc chính thức.

(*): Bắt buộc phải cung cấp đối với Người nhận Ủy quyền để cung cấp Tên đăng nhập và Mật khẩu tham dự trực tuyến.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Km 2, Thôn Kon Rờ Bàng, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam

Điện thoại: (0260) 6289549 Fax: (0260) 3916168

Website: <https://www.ktsduongkontum.vn/>

QUY CHẾ LÀM VIỆC ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021 CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019; và các văn bản dưới Luật kèm theo;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020;
- Điều lệ Công ty cổ phần Đường Kon Tum.
- Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Đường Kon Tum.

Nhằm đảm bảo Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đường Kon Tum diễn ra thành công tốt đẹp, Hội đồng quản trị xây dựng quy chế, nguyên tắc làm việc, ứng xử, biểu quyết trong Đại hội như sau:

Điều 1. Mục đích:

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc ứng xử, biểu quyết tại ĐHĐCĐ thường niên của Công ty cổ phần Đường Kon Tum diễn ra đúng quy định và thành công tốt đẹp.
- Các nghị quyết của ĐHĐCĐ thể hiện ý chí thống nhất của ĐHĐCĐ, đáp ứng nguyện vọng quyền lợi của cổ đông và đúng pháp luật.

Điều 2. Đối tượng và phạm vi

- **Đối tượng áp dụng:** Tất cả các cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền) của cổ đông đang sở hữu cổ phiếu Công ty cổ phần Đường Kon Tum và khách mời tham dự ĐHĐCĐ thường niên Công ty cổ phần Đường Kon Tum đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định tại Quy chế này, Điều lệ Công ty và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này được sử dụng cho việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đường Kon Tum.

Điều 3. Giải thích thuật ngữ/từ viết tắt

- Công ty : Công ty cổ phần Đường Kon Tum

- HĐQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban Kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người được ủy quyền)
- Hệ thống livestream : Hệ thống phát sóng video cuộc họp ĐHĐCĐ trực tiếp trên cuộc họp ĐHĐCĐ website <https://ezgsm.fpts.com.vn/> và www.youtube.com

Điều 4. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại Hội Đồng Cổ Đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp huỷ cuộc họp. Cuộc họp ĐHĐCĐ phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất. Cuộc họp ĐHĐCĐ triệu tập lần hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.
- Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp ĐHĐCĐ lần thứ nhất.

Điều 5. Đại biểu tham gia Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Tất cả cổ đông của Công ty theo danh sách chốt ngày 19/11/2021 đều có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến thông qua Hệ thống bỏ phiếu điện tử. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được ủy quyền theo quy định của pháp luật được cử tham dự thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu của mỗi người đại diện.
- Khi tham dự trực tuyến, đại biểu lưu ý:
 - Yêu cầu kỹ thuật: Cổ đông cần có thiết bị điện tử kết nối internet (ví dụ máy vi tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác có kết nối internet).
 - Cách thức thực hiện: Đại biểu truy cập đường dẫn, đăng nhập theo các thông tin được cung cấp quy định để tham dự ĐHĐCĐ trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử.

Điều 6. Khách mời tại Đại hội

- Là các chức danh quản lý của Công ty, khách mời, thành viên trong BTC Đại hội không phải là cổ đông Công ty nhưng được mời tham dự Đại hội.
- Khách mời không tham gia phát biểu tại Đại hội (*trừ trường hợp được Chủ tọa Đại hội mời, hoặc có đăng ký trước với BTC Đại hội và được Chủ tọa Đại hội đồng ý*).

Điều 7. Chủ tọa và Đoàn chủ tọa

- Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập.
- Đoàn chủ tọa gồm 04 người, bao gồm 01 Chủ tọa và 03 Thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập hoặc chủ tịch Hội đồng quản trị ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm Chủ tọa Đại hội. Cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa
2	Trần Ngọc Hiếu	TV.HĐQT – TV đoàn CT
3	Thái Văn Hùng	TV.HĐQT – TV đoàn CT
4	Đặng Thị Thu Hằng	TGD - TV đoàn CT

- Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa Đại hội theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban Kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất sẽ làm Chủ tọa cuộc họp.
- Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sẽ điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm Chủ tọa cuộc họp.
- Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - Điều khiển Đại Hội theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được Đại Hội thông qua.
 - Phân công, giới thiệu đại diện thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty trình bày các báo cáo tại Đại hội;
 - Giới thiệu thành phần Ban kiểm phiếu để Đại hội biểu quyết;
 - Giới thiệu thành phần Ban chủ tọa để Đại hội biểu quyết (nếu có);

Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

- Hướng dẫn Đại Hội thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của Đại Hội và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình Đại Hội.
- Trả lời và ghi nhận những vấn đề thuộc nội dung chương trình đã được Đại hội thông qua;
- Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong suốt quá trình Đại Hội.
- Phê chuẩn, ban hành các văn bản, kết quả, biên bản, nghị quyết của Đại hội sau khi kết thúc Đại hội.
- Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.

Điều 8. Ban kiểm tra tư cách đại biểu

- Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng ban và 01 thành viên, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình. Ban kiểm tra tư cách đại biểu do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau::

STT	Tên thành viên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Cần	TV.BKS – Trưởng ban kiểm tra tư cách đại biểu
2	Nguyễn Sỹ Hà	PP TCHC - TV

- Nhiệm vụ:
- Nhận giấy tờ của cổ đông (nếu phát sinh), đối chiếu kiểm tra tính hợp lệ của cổ đông tham dự trực tuyến.
- Báo cáo trước ĐHĐCĐ về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông trước khi ĐHĐCĐ chính thức tiến hành.
- Phối hợp với Ban kiểm phiếu để hướng dẫn, hỗ trợ và giám sát biểu quyết.

Điều 9. Ban Thư ký Đại hội:

- Ban thư ký của Đại hội bao gồm 02 người do Chủ tọa chỉ định, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tọa. Ban Thư ký do Chủ tọa giới thiệu cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1	Phạm Ngọc Hòa	Thư ký công ty
2	Nguyễn Tiến Cường	TP. Nguyên liệu

- Nhiệm vụ:
- Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông, chuyển Đoàn Chủ tọa quyết định;
- Ghi chép Biên bản họp ĐHĐCĐ một cách đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại Hội và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại Đại Hội.
- Hỗ trợ Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản họp Đại Hội và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại Đại Hội.

Điều 10. Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do Chủ tọa giới thiệu gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên.
- Ban kiểm phiếu bao gồm:

STT	Tên thành viên	Ghi chú
1	Nguyễn Sỹ Hà	PP.TCHC – Trưởng ban kiểm phiếu
2	Trần Văn Danh	PP.KTTC – TV ban kiểm phiếu

- Nhiệm vụ:
- Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tọa, ĐHĐCĐ khi thực hiện nhiệm vụ của mình.
- Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội.
- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 11. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung ĐHĐCĐ;
- Chỉ có Đại biểu mới được tham gia thảo luận;
- Đại biểu có ý kiến đăng ký nội dung thảo luận theo hình thức quy định như sau:
- Đại biểu có thể đặt câu hỏi tại mục Thảo luận trong giao diện tham dự đại hội trực tuyến tại đường link: <https://ezgsm.fpts.com.vn> hoặc gửi email (chỉ chấp nhận email gửi do đại biểu đã đăng ký) về địa chỉ: tranthinhhi.1064@gmail.com hoặc pngochoa1978@gmail.com (trước giờ khai mạc đại hội).

- Ban Thư ký sẽ sắp xếp các nội dung câu hỏi của Đại biểu và chuyển lên cho Chủ tọa.
- 2. Giải đáp ý kiến của các Đại biểu:
 - Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Đại biểu, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Đại biểu;
 - Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 12. Thảo luận, biểu quyết tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết công khai. Đại biểu có thể bỏ phiếu bằng cách bỏ phiếu bỏ phiếu điện tử tại đường link: <https://ezgsm.fpts.com.vn>

2. Bỏ phiếu điện tử:

- Cách thức bỏ phiếu biểu quyết:
 - Đại biểu chọn lựa một trong ba phương án biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không có ý kiến với mỗi vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội đã được cài đặt tại hệ thống bỏ phiếu điện tử.
 - Sau đó, Đại biểu tiến hành xác nhận biểu quyết để hệ thống bỏ phiếu điện tử ghi nhận kết quả.
- Cách thức bỏ phiếu bầu cử (quy định cụ thể tại quy chế bầu cử)
- Một số quy định khác khi thực hiện bỏ phiếu điện tử:
 - Trường hợp Đại biểu không thực hiện hết các vấn đề biểu quyết, bầu cử theo nội dung chương trình Đại hội thì các vấn đề chưa được biểu quyết, bầu cử được xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề đó.
 - Trường hợp phát sinh các vấn đề ngoài chương trình đại hội đã gửi, Đại biểu có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung. Nếu Đại biểu không thực hiện biểu quyết, bầu cử với những vấn đề phát sinh thì xem như Đại biểu không tiến hành bỏ phiếu biểu quyết, bầu cử vấn đề phát sinh đó.
 - Đại biểu có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử (nhưng không thể hủy kết quả biểu quyết, bầu cử); bao gồm cả kết quả biểu quyết, bầu cử bổ sung những vấn đề phát sinh ngoài chương trình Đại hội. Hệ thống trực tuyến chỉ ghi nhận kiểm phiếu đối với kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu điện tử của từng đợt kiểm phiếu được quy định trong quy chế làm việc của đại hội.
- Thời gian bỏ phiếu điện tử được quy định cụ thể như sau:
 - Các nội dung biểu quyết lần thứ 01 (gồm Chương trình Đại hội; Quy chế làm việc tại Đại hội; thông qua Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu) Đại biểu thực hiện biểu quyết từ

10h00 ngày 20/12/2021 đến trước khi Đại hội thông qua các nội dung biểu quyết lần thứ 01.

- Các nội dung biểu quyết lần thứ 02 (gồm Báo cáo của Ban Tổng Giám Đốc; Báo cáo của Hội Đồng Quản Trị; Báo cáo của Ban Kiểm Soát và thông qua nội dung các Tờ trình của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát tại Đại hội): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 10h00 ngày 20/12/2021 đến trước khi Đại hội thông qua các nội dung biểu quyết lần thứ 02.
- Các nội dung biểu quyết lần thứ 03 (Thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội): Đại biểu thực hiện biểu quyết từ 10h00 ngày 20/12/2021 đến trước khi Đại hội thông qua các nội dung biểu quyết lần thứ 03.
- Đại biểu có thể truy cập hệ thống bỏ phiếu điện tử và thực hiện bỏ phiếu 24 giờ trong ngày và 07 ngày trong tuần trừ trường hợp bảo trì hệ thống hoặc lý do khác nằm ngoài tầm kiểm soát của Công ty. Kết thúc thời gian bỏ phiếu, hệ thống không ghi nhận thêm kết quả bỏ phiếu điện tử từ Đại biểu.

3. Thẻ lệ biểu quyết:

Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi đại biểu tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết.

- Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 19/11/2021) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty là: 5.070.000 cổ phần tương đương với 5.070.000 quyền biểu quyết.

Mỗi quyết định của Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội. Riêng một số trường hợp vấn đề biểu quyết được quy định tại Khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty thì phải có sự đồng ý ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

- Lưu ý:

- Cổ đông/đại diện ủy quyền có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; các hợp đồng hoặc giao dịch này chỉ được chấp thuận khi có số cổ đông/ đại diện ủy quyền chiếm từ 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành (theo Khoản 4, Điều 167, Luật Doanh nghiệp 2020).
- Cổ đông/ đại diện ủy quyền cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó không có quyền biểu quyết đối với các hợp đồng và giao dịch có giá trị lớn hơn 10% (tổng giá trị tài sản Công ty ghi trong báo cáo tài chính gần nhất) với cổ đông đó (theo Điểm b, Khoản 3 và Khoản 4, Điều 167 Luật Doanh nghiệp 2020).

4. Ghi nhận kết quả biểu quyết/bầu cử

Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021

- Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra, tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm phiếu của từng vấn đề theo nội dung chương trình đại hội. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Biên bản, Nghị Quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Tất cả các nội dung tại Đại Hội Đồng Cổ Đông phải được Thư ký Đại Hội ghi vào Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông. Biên bản họp Đại Hội đồng cổ đông phải được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại Hội.

Điều 14. Thi hành Quy chế

Quy chế tổ chức này được đọc công khai trước Đại Hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2021 và có hiệu lực thi hành ngay khi Đại Hội Đồng Cổ Đông của Công ty cổ phần Đường Kon Tum biểu quyết thông qua.

Cổ đông, đại diện theo ủy quyền và khách mời vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tọa sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Đặng Việt Anh

Số: 01 / BC-BĐH

Kon Tum, ngày 21 tháng 12 năm 2021



**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021**

*Kính thưa Quý vị cổ đông!
Quý vị đại biểu!*

Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần Đường Kon Tum;
Căn cứ tình hình thực tiễn hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty cổ phần Đường Kon Tum năm 2020-2021; Tổng Giám đốc Công ty xin báo cáo Đại hội về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2020-2021 và Kế hoạch SXKD năm 2021-2022, với những nội dung cơ bản sau:

**PHẦN I
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT, KINH DOANH 2020-2021
I. MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU**

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh TH với KH
1	Sản lượng mía qua cân (mía thô)	Tấn	150.000	114.309,7	76,2%
2	Sản lượng mía sạch	Tấn	145.080	110.760	76,3%
3	Sản lượng đường sản xuất	Tấn	15.573,03	11.649,2	74,8%
4	Tỷ lệ mía sạch/ đường	M/Đ	9,32	9,52	+0,2
5	Sản lượng đường tiêu thụ	Tấn	15.573,03	14.822,85	95,2%
6	Tổng doanh thu	tỷ đồng	259,8	248,2	95,5%
7	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	tỷ đồng	2,7	7,3	270,3%
8	Lợi nhuận sau thuế TNDN	tỷ đồng	2,7	5,7	211,1%

*** Đánh giá chung về kết quả sản xuất kinh doanh niên độ 2020-2021**

- Niên độ 2020-2021 một số chỉ tiêu sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty không đạt so với kế hoạch, nguyên nhân cơ bản là do:

+ Sản lượng mía nguyên liệu ngoài vùng giảm là nguyên nhân chính dẫn đến sản lượng đường sản xuất, sản lượng đường tiêu thụ và doanh thu không đạt so với kế hoạch đề ra (nguyên nhân sản lượng mía thu mua giảm được phân tích ở Mục 1, Phần II sau đây).

+ Đại dịch Covid - 19 diễn biến phức tạp, nhiều địa phương trên cả nước thực hiện giãn cách theo chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, giao thương buôn bán bị đình trệ, vận tải hàng hóa bị ách tắc, gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Tuy nhiên, trước những tác động kép nói trên, HĐQT và BĐH đã linh hoạt quyết định thời điểm, giá cả tiêu thụ hàng hóa, quyết định phương thức thu mua mía phù hợp, tiết giảm các khoản chi phí đến mức tối đa. Mặt khác giá đường thế giới niên vụ 2020-2021 có tăng, kết hợp với việc Bộ Công Thương quyết định áp thuế chống bán phá giá và chống trợ cấp một số sản phẩm đường nhập khẩu từ Thái Lan nên thị trường đường trong nước có khởi sắc, dẫn đến chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế niên độ 2020-2021 đã hoàn thành vượt mức kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 giao là 111,1%.

II. CÔNG TÁC NGUYÊN LIỆU.

1. Công tác thu mua, vận chuyển mía nguyên liệu.

TT	Mía Nguyên liệu	ĐV tính	Kế hoạch vụ 2020-2021	Thực hiện vụ 2020-2021	Tỷ lệ % TH/KH
	Tổng sản lượng mía sạch	Tấn	145.080	110.760	76,3
1	Mía trong vùng	Tấn	38.600	42.654	110,5
2	Mía ngoài vùng	Tấn	106.480	68.106	64

- Vụ ép 2020-2021 nhờ thiết bị hoạt động ổn định và công tác lập kế hoạch đồn chặt hợp lý đúng theo chủ trương của Ban điều hành, nên sản lượng mía thu mua cơ bản đáp ứng công suất hoạt động của Nhà máy, không để tình trạng mía chặt ra phải chờ trên ruộng quá thời gian quy định.

- Nhờ cân đối được sản lượng mía thu mua trong vùng nên ngay từ đầu vụ Công ty đã tổ chức thu mua mía ngoài vùng để tranh thủ tăng sản lượng sản xuất. Tuy nhiên, sản lượng mía thu mua ngoài vùng cả vụ chỉ đạt 64% so với kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu là do: Năm 2019 thời tiết Tây Nguyên bị khô hạn, không thuận lợi cho trồng mới và lưu gốc, giá mía các năm trước khá thấp vì vậy diện tích mía các huyện phía Đông Gia Lai giảm 30-35%, năng suất mía cũng giảm, làm cho sản lượng mía giảm từ 35% đến 45% so với năm trước; bên cạnh đó lực lượng nhân công đồn chặt mía sau Tết Nguyên đán thiếu hụt và bị phân tán, dẫn đến mía chờ lên Kon Tum cũng hạn chế.

- Sản lượng mía sạch thu mua trong vùng đạt 110,5% so với kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu là do sản lượng trước đây dự kiến làm mía giống nhưng nay diện tích trồng mới không đạt như kế hoạch nên chuyển qua làm mía nguyên liệu.

- Vụ 2020-2021 cũng là vụ thứ 2 Công ty trực tiếp điều hành xe vận chuyển mía nên việc tổ chức đồn chặt và điều hành xe khá thuận lợi, mía đưa về nhà máy cơ bản tươi, sạch và đảm bảo chất lượng, không còn tình trạng mía chặt ra chờ xe vận chuyển, mía phơi khô trên đồng quá thời gian quy định. Không có tình trạng khiếu kiện xảy ra.

2. Công tác đầu tư chăm sóc và trồng mới, trồng lại vụ 2020-2021 chuẩn bị cho vụ thu hoạch 2021-2022.

TT	Nội dung	ĐVT	KH vụ 2020-2021	TH vụ 2020-2021	Tỷ lệ TH/ KH (%)
1	ĐT đầu tư chăm sóc	ha	752,10	752,10	100

2	DT trồng mới mở rộng	ha	800	335,14	42
3	Diện tích phá gốc trồng lại	ha	200	81,47	41
4	Diện tích phá gốc không trồng lại.	ha	200	189,40	94,7
5	Dự kiến DT thu hoạch vụ 2021-2022	ha	1.552,10	897,84	58

Vụ 2020-2021 diện tích trồng mới, trồng lại thực hiện thấp so với kế hoạch. Nguyên nhân là do:

- Giá mía vụ 2020-2021 tăng so với vụ trước nhưng trễ so với thời điểm vụ trồng mía cùng thời điểm này giá một số loại cây trồng khác, đặc biệt là cây mì tăng mạnh (từ 2.050 đồng đến 2.400 đồng/kg). Hơn nữa tập quán của bà con nông dân người đồng bào nơi đây chưa thay đổi vì nghĩ rằng mì dễ trồng hơn mía, vì vậy nhiều hộ nông dân vẫn lưỡng lự chuyển đổi sang trồng mía.

- Một số diện tích mía hết chu kỳ phải phá gốc để trồng lại nhưng vì thời tiết khô hạn, nắng nóng kéo dài, không tưới nước được, đất không đủ độ ẩm nên không thể trồng mía lại được phải chờ sang vụ sau.

- Vùng nguyên liệu mía của Công ty tại địa bàn thành phố Kon Tum bị giảm vì Thành phố đang có kế hoạch triển khai các dự án bất động sản lớn ngay trên các vùng đất trồng mía.

Tuy điều kiện khó khăn như trình bày ở trên nhưng Ban điều hành đã nỗ lực cố gắng mở rộng diện tích ra những huyện khác trong tỉnh nên diện tích mía đưa vào thu hoạch vụ 2021-2022 tăng 144 ha so với vụ 2020-2021.

3. Công tác đầu tư máy móc thiết bị cơ giới hóa trồng và chăm sóc mía

- Vụ 2020-2021 Công ty mạnh dạn đầu tư mua sắm máy móc thiết bị cơ giới : Mua xe máy cày ; Giàn máy khoan mía hồ; Máy trồng mía hàng đôi kiểu Thái Lan; Giàn xới đất, xới cỏ kết hợp bón vùi phân , bước đầu các thiết bị này đã phát huy hiệu quả trong khâu làm đất và chăm sóc mía giúp giảm chi phí nhân công tăng thu nhập hiệu quả cho người nông dân.

4. Công tác phát triển mở rộng diện tích nguyên liệu

- Mở rộng tuyên truyền chính sách đầu tư theo mô hình phương pháp trồng mía mới để tăng năng suất được mở rộng khắp 10 huyện của tỉnh Kon Tum. Cây mía sẽ được phát triển trên đất gò đồi bằng phương pháp trồng mía hồ tăng năng suất và giữ ẩm tốt.

- Tập huấn cho bà con nông dân tự chặt mía và đổi công để tăng thu nhập dẫn đến mở rộng diện tích trồng mía và có thể cạnh tranh với cây trồng khác.

- Công ty kết hợp với viện nghiên cứu Mía đường để mua những giống mía mới có năng suất và chữ đường cao để trồng khảo nghiệm tại Kon Tum để thay những giống cũ kém hiệu quả.

5. Mô hình khảo nghiệm nhân giống mía cây mô

Vụ 2020-2021 Công ty đã thực hiện thuê 0,4 ha tại xã Ngọc Bay, TP. Kon Tum, Mục đích khảo nghiệm, phục tráng và nhân giống mía cây mô để phục vụ công tác phát triển giống mía mới cho vùng nguyên liệu Công ty.

6. Công tác thu hồi nợ đầu tư

- Tổng số nợ phải thu theo KH vụ SX 2020-2021: 7.885.035.939 đồng.
- Tổng số nợ đã thu đến thời điểm 30/6/2021: 7.222.732.577 đồng.
- Xóa nợ lãi vay cho các đối tượng không có khả năng trả: 1.081.686 đồng
- Tổng số nợ còn phải thu tại thời điểm 30.06.2021 là: 655.221.676 đồng.

Trong đó:

- Nợ quá hạn từ những năm trước mang sang (do mía chết): 68.931.939 đồng
- Nợ phải thu đã được gia hạn chuyển qua vụ sau: 586.289.737 đồng.

Công tác thu hồi nợ vụ này thực hiện tốt, nợ trong hạn theo kế hoạch thu đủ 100%. Nợ quá hạn của các vụ trước còn lại không đáng kể và đã được trích lập dự phòng theo quy định của chế độ tài chính hiện hành.

III. CÔNG TÁC SẢN XUẤT CHẾ BIẾN ĐƯỜNG VÀ TU BỔ SỬA CHỮA MÁY MÓC THIẾT BỊ.

1. Công tác sản xuất chế biến.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	TH với KH (%)
1	Đường thành phẩm	Tấn	15.573,03	11.649,20	74,8%
2	Tỷ lệ mía sạch/đường	M/đ	9,32	9,52	+0,2
3	Một số chỉ tiêu về tổn thất				
	+ Pol bã bình quân	%	1,7	1,85	+0,15
	+ Pol bùn bình quân	%	1,3	1,45	+0,15
	+ Ap mật ri bình quân	%	30	30,32	+0,32
4	Hiệu suất sản xuất				
	+ Hiệu suất an toàn thiết bị	%	98,00	98,98	101%
	+ Hiệu suất tổng thu hồi	%	85,62	84,38	98,55%
5	Công suất ép B/q	TMN	1.852	1.698	91,68%

Công tác sản xuất vụ 2020-2021 có một số ưu điểm, đó là: Dây chuyền hoạt động ổn định, hiệu suất an toàn thiết bị cao, chất lượng đường thành phẩm khá tốt, tỷ lệ đường chất lượng cao chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản lượng đường thành phẩm nhập kho.

Tuy nhiên, một số chỉ tiêu không đạt so với kế hoạch đề ra: Sản lượng đường sản xuất, tỷ lệ mía sạch/đường ... Nguyên nhân như đã phân tích ở mục I nói trên, ngoài ra trong năm 2020 do ảnh hưởng của bão, một số vùng mía ven sông ĐakBla bị ngập nước nhiều ngày ảnh hưởng đến chất lượng mía; ở giai đoạn cuối vụ, mía nguyên liệu không đủ để cung cấp cho dây chuyền sản xuất nên phải ép mỏng hoặc dừng để gom mía, lên xuống máy nhiều lần làm ảnh hưởng nhiều đến hiệu quả sản xuất chế biến.

2. Công tác Tu bổ sửa chữa máy móc thiết bị.

Niên vụ 2020-2021, Nhà máy đã thực hiện công việc sửa Tu bổ chữa máy móc thiết bị đáp ứng được yêu cầu của sản xuất, hiệu suất an toàn thiết bị cao (đạt 98,98%). Các loại máy móc thiết bị thuộc phần việc sửa chữa tu bổ được Ban Điều hành triển khai thực hiện đầy đủ, đảm bảo chất lượng theo kế hoạch và yêu cầu của HĐQT, trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả.

IV. CÔNG TÁC TỔ CHỨC, LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG.

- Vụ 2020-2021, Công ty tiếp tục sắp xếp lại lao động, nhằm đảm bảo bộ máy tinh gọn và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong tình hình mới.

- Công ty luôn chăm lo đến đời sống và thu nhập của người lao động, tiền lương được thanh toán đầy đủ, kịp thời; các chế độ chính sách của người lao động được thực hiện đúng theo quy định của luật lao động.

- Thường xuyên quan tâm đến công tác tuyên truyền, huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ để nâng cao nhận thức cho người lao động.

- Thực hiện tốt việc cải thiện điều kiện làm việc, môi trường lao động, tạo điều kiện cho người lao động được làm việc trong môi trường đảm bảo an toàn, vệ sinh sạch sẽ nhằm tăng năng suất, chất lượng sản phẩm, hoạt động sản xuất hiệu quả, bền vững; phòng ngừa, ngăn chặn tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp.

V. CÔNG TÁC TIÊU THỤ SẢN PHẨM.

Vụ 2020-2021, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 đã khiến cho việc sản xuất kinh doanh và tiêu thụ đường của Công ty càng trở nên khó khăn. Tuy nhiên, với nỗ lực của Ban điều hành đến thời điểm 30/06/2021 Công ty đã ký kết hợp đồng cơ bản tiêu thụ hết sản lượng đường sản xuất trong vụ.

VI. CÔNG TÁC TÀI CHÍNH.

Công tác Tài chính của Công ty được quản lý chặt chẽ, tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn, đảm bảo lợi ích của cổ đông và người lao động. Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban kiểm soát. Công tác thông tin, báo cáo kịp thời, quyết toán đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành và kinh doanh đạt hiệu quả.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT, KINH DOANH VỤ 2021-2022

1. Kế hoạch SXKD sản phẩm đường và các sản phẩm sau đường 2021-2022 :

- Tổng doanh thu : 364.131 triệu đồng.
- Tổng chi phí : 359.502 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 4.629 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế : 3.088 triệu đồng.

2. Một số giải pháp thực hiện.

Để thực hiện tốt các chỉ tiêu kế hoạch nêu trên, đồng thời định hướng phát triển cho Công ty trong những năm tiếp theo, Ban Điều hành đề ra một số giải pháp trình Đại hội cổ đông thường niên 2021, cụ thể như sau:

2.1. Về công tác Nguyên liệu:

Công ty cần tập trung một số vấn đề cơ bản như sau:

- Tuyên truyền các chính sách đầu tư, phương pháp trồng mía mới tăng năng suất, thu mua phù hợp, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân gắn bó lâu dài với cây mía để ổn định phát triển vùng nguyên liệu.

- Tiếp tục làm việc với UBND huyện Đắk Tô, Kon Rẫy, Ia H'Drai để thực hiện được Dự án Đầu tư phát triển nguyên liệu mía cánh đồng mẫu lớn ứng dụng công nghệ cao theo chủ trương của tỉnh.

- Làm việc với các cấp chính quyền địa phương để tổ chức hội thảo liên kết sản xuất phát triển vùng nguyên liệu mía mở rộng khắp 10 huyện của tỉnh và tổ chức tập huấn cho bà con nông dân tại các thôn, làng về chuyên đề phổ biến chính sách đầu tư và hướng dẫn quy trình trồng mía mới, cơ giới hóa khâu trồng, chăm sóc và thu hoạch mía cho bà con nông dân như Phương pháp trồng hàng đôi; Phương pháp trồng mía hồ trên triền đồi, các phương pháp cơ giới hóa,... phù hợp với từng loại đất, Cơ cấu lại chất lượng giống cho phù hợp với thổ nhưỡng khí hậu trong địa bàn tỉnh KonTum, trồng khảo nghiệm các giống mía mới cho năng suất và chữ đường cao; áp dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến vào canh tác cây mía để tăng năng suất mía bình quân từ 80 tấn/ha trở lên và chữ đường bình quân đạt ≥ 10 CCS, nhằm tăng thu nhập cho bà con nông dân trồng mía, để họ gắn bó với cây mía lâu dài.

- Mở rộng đầu tư vùng nguyên liệu thuộc các địa bàn lân cận của tỉnh Gia Lai nhằm bổ sung nguồn nguyên liệu, đảm bảo công suất hoạt động của nhà máy.

2.2. Khôi sản xuất chế biến Đường:

- Tiếp tục nghiên cứu áp dụng công nghệ mới vào sản xuất chế luyện, nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm, giảm tỷ lệ tiêu hao mía/đường; tiếp tục rà soát tiết giảm các khoản chi phí, thực hành tiết kiệm trong mọi lĩnh vực nhằm hạ giá thành sản phẩm, đủ sức cạnh tranh với thị trường.

- Kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguyên liệu đầu vào, kiểm soát chặt chẽ các chỉ tiêu tránh rò rỉ, thất thoát trên dây chuyền để nâng cao hiệu suất thu hồi.

2.3. Khôi phòng ban nghiệp vụ, phục vụ:

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh, phân khúc thị trường tiêu thụ trong tỉnh, ngoài tỉnh, các khách hàng truyền thống để làm cơ sở lập kế hoạch tiêu thụ. Luôn tạo mối quan hệ mật thiết, bền vững với các khách hàng truyền thống của Công ty nhằm tiêu thụ hết sản phẩm, đảm bảo đem lại hiệu quả kinh tế cao cho Công ty. Lắng nghe ý kiến kiến nghị của khách hàng từ đó có những điều chỉnh cần thiết trong quản trị doanh nghiệp, chất lượng sản phẩm phục vụ tốt hơn cho khách hàng, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.

- Tiếp tục kiện toàn lại bộ máy quản lý, điều hành, rà soát định biên, bố trí lại nguồn nhân lực ở các phòng ban chuyên môn và các tổ sản xuất theo hướng tinh gọn, đảm bảo

đủ năng lực và phù hợp với cương vị công tác để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao theo yêu cầu mới.

- Chấp hành nghiêm túc quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, quan tâm và đầu tư thích đáng cho công tác bảo vệ môi trường, hệ thống xử lý nước thải, vệ sinh công nghiệp để đáp ứng yêu cầu về Môi trường theo quy định.

Trên đây là Báo cáo của Ban Điều hành về kết quả hoạt động SXKD năm 2020-2021 và Kế hoạch SXKD năm 2021-2022, kính trình ĐHĐCĐ thường niên xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nơi nhận :

- ĐHĐCĐTN 2021;
- Lưu TK;

Đặng Thị Thu Hằng

Số: 02 /BC-HĐQT

Kon Tum, ngày 21 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
NIÊN ĐỘ 2020-2021, PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ NIÊN ĐỘ 2021-2022**
(Trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

Kính thưa: - Quý cổ đông;
- Quý vị đại biểu.

Công ty Cổ phần Đường Kon Tum xin trân trọng chào đón tất cả các Quý cổ đông, Quý vị đại biểu đến tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021. Trước hết, cho phép tôi thay mặt Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành Công ty gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến Quý cổ đông, Quý đại biểu đã quan tâm và chia sẻ với Công ty trong thời gian qua.

Thay mặt Hội đồng Quản trị, tôi xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả hoạt động của HĐQT niên độ 2020-2021; Nhiệm vụ kế hoạch niên độ 2021-2022 như sau:

I. TÌNH HÌNH CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.

Niên độ 2020-2021 số lượng thành viên HĐQT ổn định từ đầu năm đến cuối năm. Hiện tại HĐQT Công ty vẫn cơ cấu đủ 03 thành viên theo quy định.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2020-2021.

1. Hoạt động của Hội đồng Quản trị.

Hội đồng quản trị hoạt động trên nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật; Điều lệ, quy chế quản trị nội bộ của công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các thành viên chủ chốt của Ban điều hành và Ban kiểm soát được mời tham dự tại các phiên họp của Hội đồng quản trị được tổ chức trực tiếp, trực tuyến hoặc nhận được đầy đủ tài liệu đối với các trường hợp lấy ý kiến thành viên HĐQT bằng văn bản.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 và tình hình thực tế của Công ty, niên độ 2020-2021 Hội đồng Quản trị đã tổ chức nhiều cuộc họp và lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản, ban hành các Nghị quyết, Quyết định quan trọng để triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020 đề ra. Các hoạt động cơ bản như sau:

- Tiếp tục làm việc với chính quyền địa phương ở các địa bàn có tiềm năng về đất trồng mía để tuyên truyền chính sách đầu tư, hỗ trợ vùng nguyên liệu, chính sách thu mua với mục tiêu phát triển diện tích vùng nguyên liệu.

- Ban hành các chính sách đầu tư, thu mua phù hợp đảm bảo cho công tác phát triển diện tích nguyên liệu và thu hồi nợ đầu tư hiệu quả nhất;

- Chỉ đạo công tác sửa chữa định kỳ năm 2020 đúng tiến độ, máy móc thiết bị đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, hoạt động ổn định, tiết kiệm chi phí cho công ty.

- Tiếp tục chỉ đạo kiện toàn căn bản về cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý điều hành của Công ty đảm bảo tinh gọn và hiệu quả. Công tác bổ nhiệm, miễn nhiệm và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công nhân kỹ thuật được chú trọng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, nâng cao chất lượng cán bộ, đáp ứng được yêu cầu hoạt động của Công ty trong tình hình mới.

- Chỉ đạo công tác mua sắm vật tư hóa chất phục vụ sản xuất và công tác tiêu thụ sản phẩm.

Quá trình lãnh đạo, điều hành Hội đồng Quản trị luôn giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách; tất cả các cuộc họp của Hội đồng Quản trị đều do Chủ tịch HĐQT chủ trì, được tiến hành hàng quý. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị đều được xây dựng trên nguyên tắc tập thể, đảm bảo tính khách quan và tập trung trí tuệ của các thành viên HĐQT, phù hợp với chức năng, quyền hạn của HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty.

Định kỳ hoặc bất thường Hội đồng Quản trị tiến hành kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh của Ban điều hành nhằm phát huy tối đa hiệu quả hoạt động của Công ty.

Nhìn chung sự quan tâm sâu sát của Hội đồng quản trị đã giúp cho hoạt động của Công ty ổn định, vượt qua những khó khăn, thách thức trong thời gian qua và hoàn thành các chỉ tiêu cơ bản của niên độ 2020-2021.

Tổng thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký trong niên độ 2020-2021 là 612.000.000 đồng, nằm trong khuôn khổ mức thù lao đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Căn cứ các quy định tại Quy chế quản trị nội bộ công ty, Hội đồng quản trị tự đánh giá, niên độ 2020-2021 Hội đồng quản trị và từng thành viên HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

2. Kết quả giám sát công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc.

Hội đồng quản trị luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty để đề ra các chủ trương, quyết định hợp lý nhằm chỉ đạo kịp thời và tạo điều kiện thuận lợi để Ban Tổng giám đốc hoàn thành nhiệm vụ SXKD do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

2.1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD cơ bản niên độ 2020-2021.

Niên độ 2020 -2021 được xem là thời gian khó khăn và thách thức đối với kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Đại dịch Covid - 19 diễn biến phức tạp, làm gián đoạn hoạt động kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới. Trong nước, dịch bệnh tác động không nhỏ tới hoạt động của nền kinh tế và cuộc sống của người dân. Với những khó khăn chung của nền kinh tế, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng gặp không ít thách thức. Nhưng với sự quyết đoán của HĐQT, sự linh hoạt của Ban điều hành Công ty trong việc lựa chọn thời điểm, giá cả thu mua nguyên liệu mía, giá bán sản phẩm đường và tác động của việc giá đường thế giới tăng, kết quả kinh doanh niên độ 2020-2021 của Công ty mặc dù không hoàn thành chỉ tiêu doanh thu nhưng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế TNDN đã vượt kế hoạch 111,1%, cụ thể như sau:

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch 2020-2021	Thực hiện 2020-2021	Tỷ lệ % TH/KH
1	Tổng Doanh thu	tỷ đồng	259,8	248,2	95,5%
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế	tỷ đồng	2,7	7,3	270,3%
3	Lợi nhuận sau thuế TNDN	tỷ đồng	2,7	5,7	211,1%

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc Công ty, trong điều kiện khó khăn đã hoàn thành nhiệm vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng định hướng đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

2.2. Về công tác Nguyên liệu.

- Vùng nguyên liệu luôn được Công ty quan tâm đầu tư phát triển bằng nhiều chính sách và giải pháp; Tuy nhiên diện tích mía trong vùng vẫn còn ít, sản lượng mía thu mua chưa đáp ứng được Công suất hoạt động của Nhà máy (Nguyên nhân đã được phân tích tại Báo cáo của Ban Điều hành tại Đại hội này).

- Công tác thu mua vận chuyển mía trong vùng từng bước được cải tiến, đáp ứng kịp thời năng lực đón chặt của bà con nông dân; không có tình trạng mía để khô trên ruộng quá thời gian quy định;

- Vụ 2020-2021 Công ty tiếp tục thực hiện ký hợp đồng vận chuyển mía nguyên liệu trực tiếp với chủ xe nên việc điều hành phương tiện khá thuận lợi và chủ động.

Ban điều hành đã tích cực làm việc với chính quyền địa phương để tuyên truyền chính sách đầu tư, thu mua của Công ty, mở nhiều lớp tập huấn cho bà con nông dân về kỹ thuật trồng, chăm sóc, thu hoạch mía, cung cấp các loại giống mía có năng suất chất lượng cao và các loại phân bón phù hợp với cây mía...nhằm mục đích tăng diện tích và sản lượng mía cho các vụ sau.

2.3. Về công tác quản lý Tài chính.

Công tác quản lý Tài chính từng bước được cải tiến một cách khoa học, đảm bảo tính hình tài chính minh bạch, lành mạnh, vốn được bảo toàn.

Mọi hoạt động đều được kiểm tra và giám sát bởi Ban kiểm soát. Các thông tin, báo cáo về Tài chính được thực hiện kịp thời, đúng theo quy định, đảm bảo cho việc điều hành sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả. Các thủ tục về mua, bán, thanh, quyết toán được đơn giản hóa nhưng vẫn đảm bảo đúng quy trình, thủ tục và quy định của pháp luật.

2.4. Công tác sản xuất chế biến Đường.

* Kết quả thực hiện một số chỉ tiêu sản xuất cơ bản.

TT	Một số chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	So sánh TH với KH
1	Sản lượng mía thô đưa vào ép	tấn	150.000	114.309,7	76,2%
2	Sản lượng mía sạch	tấn	145.080	110.760	76,3%
3	Sản lượng đường thành phẩm nhập kho	tấn	15.573,03	11.649,20	74,8%
4	Tỷ lệ mía sạch/đường	M/đ	9,32	9,52	+0,2

5	Hiệu suất tổng thu hồi	%	85,62	84,38	98,55%
6	Hiệu suất an toàn thiết bị	%	98,00	98,98	101%

- Công tác sản xuất chế biến vụ 2020-2021 có một số tiến bộ:

+ Máy móc thiết bị được tu bổ sửa chữa kỹ lưỡng, đảm bảo chất lượng, hiệu suất an toàn thiết bị cao, trong quá trình sản xuất ít xảy ra sự cố dừng ép, nên chất lượng đường thành phẩm khá tốt.

+ Người lao động có ý thức trách nhiệm cao, phối hợp nhịp nhàng, đồng đều giữa các công đoạn. Các trưởng ca và Ban Điều hành sản xuất đã luôn bám sát tình hình nhà máy, phát hiện và khắc phục kịp thời các yếu tố làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

- Tuy nhiên, một số chỉ tiêu cơ bản trong sản xuất, chế biến thì không đạt so với kế hoạch như: tỷ lệ mía sạch/đường, công suất ép bình quân, các chỉ tiêu về tổn thất ... Nguyên nhân đã được phân tích tại Báo cáo của Ban Điều hành tại Đại hội này

2.5. Công tác tổ chức nhân sự và lao động tiền lương.

- Công ty thường xuyên quan tâm đến công tác tổ chức nhân sự và lao động tiền lương, nhằm đảm bảo bộ máy hoạt động tinh gọn, năng động; nâng cao năng suất, hiệu quả công việc, từng bước ổn định việc làm và nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Các chế độ chính sách của người lao động được Công ty thực hiện đầy đủ, kịp thời theo quy định của Nhà nước.

- Công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ luôn được quan tâm đúng mức. Không để xảy ra tình trạng cháy nổ hoặc mất an toàn, vệ sinh lao động tại Công ty.

- CBCNV công ty chấp hành nghiêm nội quy, quy chế của Công ty và pháp luật Nhà nước.

2.6. Về tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị và công tác tổ chức Điều hành hoạt động SXKD của Tổng Giám đốc.

Quá trình điều hành hoạt động của Công ty, Tổng Giám đốc đã kịp thời tổ chức thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các Nghị quyết, Quyết định Hội đồng Quản trị theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được qui định tại Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, các Quy chế quản lý nội bộ và quy định của pháp luật. Nội dung chỉ đạo, điều hành của Tổng Giám đốc luôn tuân thủ theo quy định hiện hành của pháp luật, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT.

Căn cứ các quy định tại Quy chế quản trị nội bộ công ty, Hội đồng quản trị đánh giá niên độ 2020-2021 Tổng giám đốc công ty đã hoàn thành nhiệm vụ được giao.

3. Mối quan hệ với các cổ đông.

- Hội đồng Quản trị thường xuyên báo cáo, trao đổi, bàn bạc với cổ đông lớn về những chủ trương, chính sách lớn của Công ty để có những quyết sách đúng đắn trong quá trình quản trị điều hành. Thường xuyên có sự trao đổi nắm bắt thông tin về giá cả, thị trường tiêu thụ sản phẩm tại từng thời điểm đối với các cổ đông lớn, cổ đông chiến lược để hoạt động kinh doanh thương mại đạt hiệu quả cao nhất. Thực hiện nghiêm túc việc mua bán, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa của Công ty theo đúng quy định của pháp luật đối với Công ty niêm yết, đồng thời đảm bảo hài hòa lợi ích giữa các cổ đông, khách hàng và Công ty.

- Các cổ đông lớn, cổ đông chiến lược luôn có sự phối hợp chặt chẽ, tích cực tham gia đóng góp ý kiến với HĐQT trong việc tiêu thụ sản phẩm cũng như kinh nghiệm đầu tư cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, đầu tư phát triển vùng nguyên liệu và công tác quản lý sản xuất kinh doanh.

4. Công tác phối hợp với tổ chức Đảng và các tổ chức Đoàn thể.

- Hội đồng quản trị thường xuyên phối hợp tốt trong quá trình triển khai công việc với BCH Đảng bộ, BCH Công đoàn, Đoàn Thanh niên để thực hiện các chủ trương của Đảng, pháp luật Nhà nước, các Nghị quyết, Kế hoạch của Công ty để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ, nhằm xây dựng Công ty ngày càng phát triển.

- Chỉ đạo Ban Điều hành tạo điều kiện và ủng hộ kinh phí để các tổ chức đoàn thể hoạt động có hiệu quả theo đúng chức năng nhiệm vụ của mình, đưa các mặt hoạt động của Công ty đạt nhiều thành tích, góp phần thúc đẩy hoạt động SXKD có hiệu quả.

PHẦN II KẾ HOẠCH, NHIỆM VỤ NIÊN ĐỘ 2021-2022

1. Nhận định tình hình.

Niên độ 2021-2022, ngành mía đường trong nước tiếp tục gặp khó khăn do đại dịch Covid -19 vẫn diễn biến phức tạp khó lường, lan rộng đến nhiều tỉnh thành trong cả nước. Hoạt động buôn lậu và gian lận thương mại (hàng sản xuất xuất khẩu, hàng tạm nhập tái xuất...) vẫn chưa được kiểm soát triệt để. Biến đổi khí hậu ảnh hưởng lớn đến năng suất, chất lượng nhiều vùng trồng mía nguyên liệu. Đối với Công ty cổ phần Đường Kon Tum, có thể nói đây là giai đoạn hết sức khó khăn khi vùng nguyên liệu tại Tỉnh nhà quá hạn hẹp và phải cạnh tranh khốc liệt với các loại cây trồng khác;

Để ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh, vượt qua khó khăn thách thức, đảm bảo quyền lợi cho cổ đông; đồng thời tạo việc làm, ổn định đời sống cho người lao động, Hội đồng Quản trị đề ra phương hướng hoạt động SXKD năm 2021-2022, với một số chỉ tiêu cơ bản và giải pháp như sau:

2. Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2021-2022

- Tổng doanh thu : 364.131 triệu đồng.
- Tổng chi phí : 359.502 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 4.629 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế : 3.088 triệu đồng.

3. Một số giải pháp thực hiện định hướng.

- Tập trung chỉ đạo sâu sát, có hiệu quả công tác đầu tư phát triển vùng nguyên liệu, phấn đấu đến năm 2025 cơ bản vùng nguyên liệu đáp ứng được công suất nhà máy.

- Tiếp tục làm việc với UBND các huyện Đăk Tô, Kon Rẫy, IA H'Drai để khảo sát và lập dự án đầu tư phát triển nguyên liệu mía theo mô hình cánh đồng mẫu lớn, áp dụng cơ giới hóa và ứng dụng sản xuất Công nghệ cao làm mô hình điểm mang lại hiệu quả cao trong sản xuất cây mía.

- Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi, bổ sung các chính sách đầu tư, hỗ trợ và phục vụ người trồng mía một cách thiết thực, hiệu quả hơn để phát triển vùng Nguyên liệu mía; từng bước ổn định vùng Nguyên liệu trọng điểm trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Duy trì thường xuyên việc phối hợp với chính quyền địa phương các cấp tuyên truyền, vận động và hỗ trợ nông dân trồng mía ổn định và phát triển vùng nguyên liệu đảm bảo sản xuất; Triển khai các chương trình về giống, cơ giới hóa, phòng trừ sâu bệnh và phân bón để nâng cao năng suất, chất lượng mía.

- Tăng cường việc nghiên cứu, cơ cấu các loại giống mía mới có năng suất, chữ đường cao, thay thế triệt để các loại giống mía cũ hiện đang sản xuất để nâng cao thu nhập cho người trồng mía, tạo điều kiện thuận lợi để Công ty hạ giá thành sản phẩm.

- Tiếp tục đầu tư phát triển mở rộng diện tích trồng mía tại các huyện lân cận ở tỉnh Gia Lai để bổ sung nguyên liệu cho nhà máy hoạt động đảm bảo công suất.

- Tăng cường quản lý sản xuất từ khâu nguyên liệu đầu vào đến chất lượng đường thành phẩm. Xây dựng thương hiệu Đường RS của Công ty cổ phần Đường Kon Tum có tiêu chuẩn chất lượng cao đủ sức cạnh tranh với các sản phẩm tương tự trong nước và nhập khẩu.

- Đẩy mạnh phong trào sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hóa sản xuất để đổi mới công nghệ trong sản xuất kinh doanh nhằm tạo ra nhiều lợi nhuận. Đầu tư ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại để sản xuất sản phẩm, quản lý hệ thống phân phối và quản lý điều hành hiệu quả hơn.

- Tập trung cơ cấu lại nguồn lực tài chính để nâng cao năng lực hoạt động của Công ty. Thông qua việc nâng cao năng lực tài chính, năng lực công nghệ, chất lượng sản phẩm, dịch vụ bán hàng, mở rộng thị trường, xây dựng khách hàng truyền thống để đảm bảo mục tiêu phát triển ổn định, bền vững.

- Nâng cao năng lực quản trị tài chính, giám sát chặt chẽ công tác đầu tư và sử dụng vốn hiệu quả.

- Tiếp tục kiện toàn lại bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, năng động với đội ngũ cán bộ có trình độ quản lý và chuyên môn cao. Xây dựng cơ chế lãnh đạo, quản lý mới một cách có hệ thống, tiếp thu các tri thức kinh doanh mới để nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

Trên đây là Báo cáo tình hình hoạt động niên độ 2020-2021 và định hướng niên độ 2021-2022 của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021. Trong thời gian đến, để vượt qua thách thức, hoàn thành mục tiêu sản xuất kinh doanh và tiếp tục đưa Công ty cổ phần Đường Kon Tum phát triển bền vững; Hội đồng quản trị rất mong nhận được sự ủng hộ và gắn bó lâu dài của Quý Cổ đông, các đối tác và toàn thể người lao động.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- ĐHCĐTN 2021;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HSDHCĐ.



Kon Tum, ngày 29 tháng 11 năm 2021



BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

Kính thưa: - Quý vị cổ đông

- Quý vị đại biểu

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP đường Kon Tum;

Ban kiểm soát (BKS) báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên về tình hình hoạt động niên độ 2020 -2021 và Kế hoạch hoạt động niên độ 2021 - 2022 như sau:

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NIÊN ĐỘ 2020 -2021

Niên độ 2020 -2021, nhân sự Ban kiểm soát (BKS) ổn định, gồm 3 người: bà Trần Thị Nhi – Trưởng ban, bà Nguyễn Thị Thủy và ông Nguyễn Đức Cần - kiểm soát viên. Tổng thủ lao của Ban kiểm soát và từng thành viên BKS nằm trong khuôn khổ kế hoạch đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 phê duyệt và được HĐQT báo cáo theo Tờ trình số 03/TTr-HĐQT/2021 tại Đại hội này.

Niên độ 2020 -202, Ban kiểm soát đã thực hiện các công việc chủ yếu như sau:

- Giám sát công tác quản lý của Hội đồng quản trị (HĐQT); công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc (BTGD) và hoạt động SXKD của Công ty;

- Theo dõi, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT;

- Kiểm soát việc thực hiện các quy định về công bố thông tin của Công ty đối với UBCK nhà nước, Sở GDCK Hà Nội, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam và đăng tải trên website của Công ty.

- Rà soát, kiểm tra, đánh giá các quy trình, chính sách trọng yếu của Công ty, nhằm phát hiện sai sót hoặc rủi ro tiềm ẩn, cảnh báo sớm và kiến nghị HĐQT, BTGD các giải pháp khắc phục.

- Kiểm tra, soát xét việc ban hành các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.

- Kiểm tra, rà soát các đối tượng nợ khó đòi, đề xuất HĐQT, BDH các biện pháp thu hồi.

- Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán, thẩm định báo cáo tài chính quý và năm. Xem xét báo cáo của kiểm toán độc lập trong và sau quá trình kiểm toán.

- Soát xét các báo cáo, tài liệu của Công ty phục vụ điều tra CBPG và CTC đối với sản phẩm đường mía nhập khẩu từ Thái Lan, tham gia làm việc với Cục Phòng vệ - Bộ Công Thương về việc thẩm tra các báo cáo, tài liệu này.

- Tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT mở rộng. Báo cáo đánh giá lên HĐQT, BTGD, đóng góp ý kiến trong quá trình quản trị, điều hành và tổ chức hoạt động của Công ty.

- Trong năm BKS đã tổ chức 02 phiên họp định kỳ để triển khai chương trình công tác và đánh giá kết quả kiểm tra giám sát, tổ chức 03 cuộc kiểm tra trực tiếp hoạt động của Công ty để thực hiện các công việc nêu trên. Ngoài ra BKS cũng thường xuyên trao đổi nội bộ để cập nhật thông tin và xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình hoạt động;

Niên độ 2020-2021, BKS đã hoạt động theo đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Thông qua hoạt động, BKS đã đưa ra các ý kiến đồng thời kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành (BDH) về các biện pháp tăng cường kiểm soát, giảm thiểu rủi ro, đảm bảo tuân thủ các quy định của Pháp luật, Điều lệ và các quy định nội bộ, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động và hoàn thành nhiệm vụ SXKD của Công ty.

Căn cứ các quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, BKS tự đánh giá trong năm vừa qua tập thể BKS và từng kiểm soát viên đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

- Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, quản lý, giám sát hoạt động SXKD của Công ty và công tác điều hành của Tổng giám đốc, kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc, chủ động đánh giá thị trường, bám sát tình hình thực tế để đề ra các chủ trương, giải pháp phù hợp và tạo điều kiện thuận lợi cho Ban TGD trong công tác điều hành.

- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ và đột xuất theo hình thức mở rộng để các thành viên Ban điều hành, BKS cùng tham gia, đồng thời thông qua nhiều quyết định quan trọng bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản, các Nghị quyết. Quyết định của HĐQT tập trung triển khai Nghị quyết của ĐHĐCĐ, ban hành các chủ trương, giải pháp, chỉ đạo hoạt động SXKD của Công ty: Chỉ đạo công tác mua nguyên vật liệu, bán sản phẩm hàng hóa của Công ty, ban hành các chính sách đầu tư, hỗ trợ để mở rộng vùng nguyên liệu, chỉ đạo công tác sửa chữa lớn năm 2021...

- Công ty đã tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật trong hoạt động SXKD, công tác quản lý và công bố thông tin cũng như trong các giao dịch.

- Ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã điều hành hoạt động của Công ty theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

- Ban Tổng Giám đốc đã bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT, chủ động, linh hoạt trong công tác thu mua mía ngoài vùng vì vậy mặc dù sản lượng mía trong vùng vụ này rất ít nhưng tổng sản lượng mía thu mua đáp ứng công suất tối thiểu của nhà máy, góp phần đáng kể trong việc giảm giá thành sản phẩm, tăng hiệu quả SXKD.

Ban kiểm soát đánh giá công tác quản lý, chỉ đạo của HĐQT, công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG SXKD.

1. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu SXKD chủ yếu của niên độ 2020-2021

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ % hoàn thành KH
1	Sản lượng mía sạch	Tấn	145.080	110.760	76,3
2	Sản lượng đường SX	Tấn	15.573,03	11.649,20	74,8
3	Tổng doanh thu	Tr.đồng	259,8	248,2	95,5
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tr.đồng	2,7	5,7	211,1

Niên vụ 2020 -2021 sản lượng mía thu mua và sản lượng đường sản xuất đạt thấp so với kế hoạch, nguyên nhân sản lượng đường đạt thấp là do lượng mía đưa vào chế biến thấp, nguyên nhân lượng mía thấp được phân tích ở điểm 2.1, mục 2 dưới đây.

Tuy nhiên, giá đường thế giới niên vụ 2020-2021 tăng, kết hợp với việc Bộ Công Thương quyết định áp thuế CBPG và CTC một số sản phẩm đường nhập khẩu từ Thái Lan đã làm cho giá bán mặt hàng đường trong nước được cải thiện khá nhiều. Mặt khác HĐQT, BDH bằng nhiều chính sách đã nỗ lực thu mua mía ngoài vùng, quản lý tốt các định mức kinh tế - kỹ thuật, hạ thấp giá thành sản phẩm vì vậy chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thực hiện gấp đôi so với kế hoạch được giao.

2. Một số lĩnh vực hoạt động chính của Công ty

2.1. Công tác nguyên liệu

- Tổng sản lượng mía sạch thu mua vụ này chỉ đạt 76,3% so với kế hoạch, nguyên nhân chủ yếu là do sản lượng mía ngoài vùng đạt tỷ lệ thấp. Năm 2019 do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, nhiều địa bàn trong tỉnh Gia Lai bị khô hạn, tiếp đến là lũ lụt, cộng với việc giá mía 3 vụ trước đó liên tục sụt giảm nên đã làm giảm diện tích và sản lượng mía. Vụ này giá mía tăng cao, các nhà máy trên địa bàn Gia Lai hoạt động ổn định với công suất lớn, Công ty lại ở xa vùng nguyên liệu, không có lợi thế về cước phí vận chuyển, không thể cạnh tranh với các nhà máy khác, vì vậy đã làm giảm sản lượng mía thu mua ngoài vùng.

- Sản lượng mía trong vùng ít, việc phân bổ kế hoạch dồn chặt, vận chuyển hợp lý nên mía đưa về NM khá tươi, không xảy ra hiện tượng mía đã dồn chặt phải chờ lâu trên đồng ruộng.

- Năm nay do giá mía tăng cao và cùng với sự cố gắng của BDH nên đã phát triển được diện tích trồng mới là 335,14 ha. Diện tích trồng lại 81,47 ha. Diện tích đưa vào thu hoạch vụ 21-22 là 897,84 ha. Tuy nhiên so với công suất hoạt động của NM thì với diện tích này Công ty vẫn thiếu hụt nguyên liệu trầm trọng.

- Công tác thu hồi nợ vụ này thực hiện khá tốt, nợ phải thu trong kế hoạch Công ty đã thu đủ 100%, nợ tồn đọng các vụ trước thu được 52.406.867 đồng. Nợ quá hạn lũy kế đến 30/6/2021 là 68.931.939 đồng, đã được trích lập dự phòng theo chế độ tài chính hiện hành.

2.2. Công tác sản xuất chế biến đường

- Hiệu suất an toàn thiết bị cao, một số hóa chất tiêu hao thấp hơn kế hoạch.
- Chất lượng sản phẩm đường khá ổn định, đáp ứng được yêu cầu của sản xuất công nghiệp, vụ này Công ty đã giao hàng cho một số nhà sản xuất như: Công ty Sữa Nutifood Bình Dương, Sữa Gia Lai, Tribeco...
- Tuy nhiên một số chỉ tiêu trong sản xuất kém hơn so với kế hoạch như: Tỷ lệ mía sạch/đường, công suất ép B/q, các chỉ tiêu về tổn thất ... Nguyên nhân chủ yếu của các tồn tại nói trên là do chất lượng mía năm nay kém hơn năm ngoái. Giai đoạn đầu và cuối vụ sản lượng mía không đủ cho công suất hoạt động thường xuyên của NM, thời gian dừng chờ mía khá nhiều dẫn đến tổn thất cao, thu hồi thấp.

2.3. Công tác mua sắm vật tư, phụ tùng

Công tác mua sắm vật tư, phụ tùng cơ bản thực hiện đúng quy định tại Quy chế mua hàng của Công ty, vật tư hóa chất được cung ứng kịp thời, đáp ứng yêu cầu của công tác sản xuất và bảo dưỡng. Hầu hết các lần mua hàng đều được chào giá cạnh tranh, việc mua sắm được thực hiện công khai minh bạch, đúng thẩm quyền theo phân cấp của HĐQT.

2.4. Công tác tiêu thụ sản phẩm

Việc tiêu thụ sản phẩm đường, mật Ban ĐH thực hiện theo đúng số lượng và giá cả đã được HĐQT phê duyệt. Đến thời điểm 30/6/2021 Công ty đã ký hợp đồng bán hết sản lượng đường tồn kho, tuy nhiên việc tiêu thụ các phụ phẩm bùn, tro còn chậm, có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

2.5. Công tác lao động, tiền lương.

Vụ 2020-2021 Công ty thực hiện định biên lao động theo đúng phê duyệt của HĐQT. Tiền lương được thanh toán đầy đủ và kịp thời, các chế độ của người lao động (BHXH, BHYT, BHTN, tiền ăn ca...) được Ban ĐH thực hiện đúng quy định của pháp luật và quy định của Công ty. Thu nhập bình quân (tiền lương và tiền thưởng) của người lao động niên độ 2020-2021 là 5.520.000đ/người/tháng, tăng 161.000đ/ người/tháng so với niên độ 2019-2020.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Báo cáo tài chính niên độ 2020 -2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán – tư vấn Đất Việt (Báo cáo kiểm toán số 0353/2021/BCTC-KTV, ngày 21/9/2021) và đã được HĐQT báo cáo tại Đại hội này.

Ban kiểm soát xác nhận báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 30/6/2021, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như báo cáo lưu chuyển tiền tệ niên độ 2020 - 2021 phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

2. Tổng hợp một số chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Chỉ tiêu	ĐVT	30/06/2020	30/06/2021
1. Tỷ lệ vốn CSH trên tổng nguồn vốn	%	39,8	37,2
2. Tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn	%	60,2	62,8
3. Hệ số khả năng thanh toán nhanh (Tiền và tương đương tiền + đầu tư TCNH/nợ ngắn hạn)	Lần	0,013	0,013

4. Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (tài sản ngắn hạn/nợ ngắn hạn)	Lần	1,33	0,98
5. Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn CSH của năm tài chính (Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH)	%	1,25	3,5

- Tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2020-2021 (30/6/2021) tỷ lệ vốn CSH trên tổng nguồn vốn giảm, ngược lại tỷ lệ nợ phải trả trên tổng nguồn vốn tăng so với thời điểm 30/6/2020, hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn cũng giảm, nguyên nhân chủ yếu là do ảnh hưởng của đại dịch covid -19, việc giãn cách xã hội được thực hiện trên nhiều địa phương, đặc biệt là Miền Trung – Tây Nguyên và Miền Đông Nam Bộ (địa bàn chủ yếu tiêu thụ sản phẩm của Công ty), sản xuất và tiêu dùng bị gián đoạn, việc vận chuyển hàng hóa cũng bị kiểm soát chặt chẽ, khiến sức tiêu thụ giảm mạnh, nhiều khách hàng đã ký hợp đồng mua hàng của Công ty nhưng không thể nhận hàng kịp tiến độ. Công ty phải chấp nhận kéo dài thời gian thanh toán cho các đối tác để tạo điều kiện cho họ bán hàng, vì vậy nợ phải thu tăng và nợ vay ngắn hạn ngân hàng cũng vì thế mà tăng lên.

- Tuy nhiên, tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn CSH năm nay tăng gần gấp ba lần so với năm trước.

- Các khoản dự kiến tổn thất về tài sản (nợ khó đòi) đã được trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của chế độ tài chính. Tình hình tài chính của Công ty khá lành mạnh.

V. ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BKS VỚI HĐQT, BDH VÀ CỔ ĐÔNG.

Niên độ 2020 -2021 BKS luôn nhận được sự ủng hộ và giám sát chặt chẽ của các cổ đông, sự hợp tác tích cực của HĐQT và BDH. Các Nghị quyết, Quyết định và các chủ trương lớn của HĐQT, BDH đã được cung cấp kịp thời cho BKS. Các cuộc họp của HĐQT đều mời BKS tham gia. BDH luôn tạo điều kiện thuận lợi để BKS tiếp cận với hoạt động của Công ty. Phần lớn các đề xuất, kiến nghị của BKS được HĐQT và BDH ghi nhận và tiếp thu.

VI. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ 2021 -2022 CỦA BKS

Niên độ 2021 -2022, BKS duy trì công tác kiểm soát thường xuyên và định kỳ hàng quý, năm theo quy định của Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của BKS với mục tiêu chung là giám sát tình hình hoạt động SXKD và tài chính của Công ty; giám sát hoạt động quản trị và điều hành; phối hợp hoạt động với HĐQT, BTGD và cổ đông.

Nhiệm vụ cụ thể:

- Giám sát việc thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT
- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư nguyên liệu mía và giá thành sản phẩm.
- Kiểm tra việc mua nguyên vật liệu và bán sản phẩm.
- Thẩm định Báo cáo tài chính quý và năm.
- Các công tác khác theo chức năng và nhiệm vụ của BKS.

VII. KIẾN NGHỊ CỦA BAN KIỂM SOÁT.

1. Diện tích mía trong vùng liên tục trong nhiều vụ bị suy giảm. Việc mua mía ngoài vùng ngày càng khó khăn. Công ty lại ở xa vùng nguyên liệu, cước phí vận chuyển cao nên khó cạnh tranh với các nhà máy khác. Do vậy việc đầu tư trồng mía trong vùng là yếu tố quyết định sự phát triển lâu dài của Công ty. Đề nghị Cổ đông, HĐQT và BDH nên có các chính sách đột phá để mở rộng diện tích mía trong vùng, đảm bảo sản lượng mía cho hoạt động thường xuyên của NM trong các năm sắp tới.

2. Do sản lượng mía ít, thời gian sản xuất ngắn, thời gian chờ việc dài nên thu nhập bình quân của người lao động không cao, nhiều lao động có tay nghề đã lần lượt thôi việc, đề nghị HĐQT và BDH có chính sách phù hợp để khuyến khích người lao động gắn bó lâu dài với Công ty.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ niên độ 2020 -2021 và kế hoạch hoạt động niên độ 2021 -2022 của Ban kiểm soát công ty CP Đường Kon Tum, BKS kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua.

Kính chúc quý vị cổ đông, quý vị đại biểu dồi dào sức khỏe, chúc đại hội thành công tốt đẹp.

Trân trọng cảm ơn./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



TRẦN THỊ NHI

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua Báo cáo Tài chính tóm tắt niên độ 2020-2021
(Từ ngày 01/07/2020 đến 30/06/2021)

Kính gửi: Đại hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2021.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường Kon Tum;
- Căn cứ Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2020 của Công ty cổ phần Đường Kon Tum;
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán độc lập số 0353/2021/BCTC-KTV ngày 21 tháng 09 năm 2021 của Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt về việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2020 đến ngày 30/06/2021 của Công ty cổ phần Đường KonTum;

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Đường Kon Tum kính trình Đại hội Đồng Cổ Đông xem xét thông qua Báo cáo Tài chính tóm tắt niên độ 2020-2021 đã được Kiểm toán, với những nội dung cơ bản sau:

1. Kết quả SXKD niên độ 2020-2021

DVT: VND

Chỉ tiêu	NĂM NAY (2020-2021)	NĂM TRƯỚC (2019-2020)
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	248.218.462.434	153.196.296.831
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	248.218.462.434	153.196.296.831
4. Giá vốn hàng bán	220.314.222.352	133.412.975.188
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.904.240.082	19.783.321.643
6. Doanh thu hoạt động tài chính	8.141.416.468	2.241.441.994
7. Chi phí tài chính	20.606.342.694	12.223.053.410
Trong đó : Lãi vay phải trả	20.339.087.454	11.896.352.527
8. Chi phí bán hàng	1.005.271.168	609.333.677
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	5.554.662.771	5.556.824.623
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	8.879.379.917	3.635.551.927
11. Thu nhập khác	119.349.399	90.938.934
12. Chi phí khác	1.721.351.513	1.332.025.542
13. Lợi nhuận khác	(1.602.002.114)	(1.241.086.608)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	7.277.377.803	2.394.465.319
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.605.734.470	412.327.264
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		

17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.671.643.333	1.982.138.055
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.007	352

2. Tình hình tài sản - nguồn vốn

TÀI SẢN	Số cuối kỳ (30/6/2021)	Số đầu năm (30/6/2020)
1	5	4
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	215.220.685.952	158.938.181.688
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	2.772.552.795	1.606.589.930
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	201.260.281.837	109.472.552.381
IV. Hàng tồn kho	10.941.180.907	47.820.620.683
V. Tài sản ngắn hạn khác	246.670.413	38.418.694
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	224.357.822.355	239.979.238.693
I. Các khoản phải thu dài hạn		
II. Tài sản cố định	221.705.855.312	237.690.992.745
III. Bất động sản đầu tư		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	78.927.108	35.518.600
V. Đầu tư tài chính dài hạn		
VI. Tài sản dài hạn khác	2.573.039.935	2.252.727.348
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	439.578.508.307	398.917.420.381
C. NỢ PHẢI TRẢ	276.421.184.280	240.133.928.905
I. Nợ ngắn hạn	218.593.184.280	119.567.298.615
II. Nợ dài hạn	57.828.000.000	120.566.630.290
D. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	163.157.324.027	158.783.491.476
I. Nguồn vốn chủ sở hữu	163.157.235.845	158.783.403.294
1. Vốn góp của chủ sở hữu	50.700.000.000	50.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	2.609.812.512	2.609.812.512
3. Quỹ đầu tư phát triển	18.674.216.181	18.674.216.181
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	9.036.762.274	5.136.360.000
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	82.136.444.878	81.663.014.601
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	88.182	88.182
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	439.578.508.307	398.917.420.381

Trên đây là bản tóm tắt Báo cáo tài chính niên độ 2020-2021 (Báo cáo tài chính dạng đầy đủ đã được đăng tải tại Website Công ty: <http://www.ktsduongkontum.vn>), kính trình Đại hội Đồng Cổ Đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HSDHCD.



Đặng Việt Anh

TỜ TRÌNH

Về việc: Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2020-2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum;
- Căn cứ Báo cáo kiểm toán độc lập số 0353/2021/BCTC-KTV ngày 21/09/ 2021 Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt về việc kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2020 đến ngày 30/6/2021 của Công ty cổ phần Đường KonTum;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Đường Kon Tum kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 phương án phân phối lợi nhuận năm tài chính 2020-2021 như sau:

- | | |
|--|----------------------------|
| 1. Lợi nhuận 30/06/2020 còn lại mang sang: | 76.464.801.545 đồng |
| 2. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm tài chính 2020-2021: | 5.671.643.333 đồng |
| 3. Phân phối lợi nhuận năm tài chính 2020-2021: | 500.000.000 đồng |
| + Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi : | 500.000.000 đồng |

- | | |
|--|-----------------------------|
| 4. Lợi nhuận sau thuế TNDN đến 30/06/2021 còn lại chuyển sang năm sau : | 81.636.444.878 đồng. |
|--|-----------------------------|

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHĐCĐ2021;
- HĐQT, BKS;
- Lưu VT, HSDHCD

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đặng Việt Anh



TỜ TRÌNH

**Về việc: Quyết toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS năm 2020-2021;
Dự toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS năm 2021-2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường Kon Tum.

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Đường Kon Tum;

Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Đường KonTum kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 quyết toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS 2020-2021 và Dự toán chi phí hoạt động và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2021-2022, như sau:

I. Quyết toán chi phí hoạt động và thù lao HĐQT, BKS 2020-2021 với số tiền là: 1.080.064.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm tám mươi triệu, không trăm sáu mươi tư ngàn đồng chẵn).

Trong đó:

1. Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020-2021: **468.064.000 đồng.**
2. Thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT 2020-2021: **612.000.000 đồng, cụ thể như sau:**

STT	Họ và tên	Chức danh	Mức thù lao /tháng (đồng)	Số tháng	Tổng cộng
I	Hội đồng quản trị				
1	Đặng Việt Anh	Chủ tịch HĐQT	15.000.000	12	180.000.000
2	Trần Ngọc Hiếu	TV.HĐQT	8.000.000	12	96.000.000
3	Thái Văn Hùng	TV.HĐQT	8.000.000	12	96.000.000
II	Ban kiểm soát				
1	Trần Thị Nhi	Trưởng BKS	8.000.000	12	96.000.000
2	Nguyễn Thị Thủy	TV.BKS	4.000.000	12	48.000.000
3	Nguyễn Đức Cần	TV.BKS	4.000.000	12	48.000.000
III	Thư ký HĐQT				
	Phạm Ngọc Hòa	Thư ký + Quản trị Công ty	4.000.000	12	48.000.000
	Tổng Cộng				612.000.000

II. Dự toán chi phí hoạt động và thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát năm 2021-2022 với tổng kinh phí 1.412.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm mười hai triệu đồng chẵn).

Trong đó:

1. Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2021-2022 : **800.000.000 đồng.**

2. Thù lao của HĐQT, BKS và Thư ký Công ty năm 2021-2022 với tổng số tiền: **612.000.000 đồng**. Mức thù lao hàng tháng của HĐQT, BKS và thư ký Công ty, cụ thể như sau:

STT	Chức danh	Số thành viên	Mức thù lao/tháng năm 2020-2021	Tổng thù lao năm 2020-2021 (12 tháng)
1	Chủ tịch HĐQT	01	15.000.000	180.000.000
2	Thành viên HĐQT	02	8.000.000	192.000.000
3	Trưởng BKS	01	8.000.000	96.000.000
4	Thành viên BKS	02	4.000.000	96.000.000
5	Thư ký + Quản trị Công ty	01	4.000.000	48.000.000
Tổng cộng				612.000.000
(Bằng chữ : Sáu trăm mười hai triệu đồng chẵn)				

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- ĐHCĐ 2021;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HSDHCD.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Đặng Việt Anh

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 04/TTr-BKS/2021

Kon Tum, ngày 21 tháng 12 năm 2021



TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Về việc: **Lựa chọn Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2021-2022**
(Từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/6/2022).

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Đường Kon Tum.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và chấp thuận ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ 2021-2022 (Từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/6/2022) của Công ty theo các điều kiện được quy định như sau:

- Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết được công bố hàng năm.
- Công ty kiểm toán trong nước và quốc tế có uy tín, khả năng, kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Nhi

Số: 05/TTr-HĐQT/2021

Kon Tum, ngày 21 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
Về việc: **Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2021-2022**
(Từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/6/2022).

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường Kon Tum;
- Căn cứ nội dung các Báo cáo của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc về tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 2020-2021 và phương hướng mục tiêu kế hoạch năm 2021-2022;
- Căn cứ điều kiện sản xuất kinh doanh của Công ty và dự báo diễn biến thị trường mía đường năm 2021-2022.

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2021-2022 của Công ty từ ngày 01/7/2021 đến hết ngày 30/6/2022, như sau:

- Tổng doanh thu : 364.131 triệu đồng.
 - Tổng chi phí : 359.502 triệu đồng.
 - Lợi nhuận trước thuế : 4.629 triệu đồng.
 - Lợi nhuận sau thuế : 3.088 triệu đồng.
- Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua./.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đặng Việt Anh



Số: 06/TTr-HĐQT/2021

Kon Tum, ngày 21 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
Về việc: Thông qua Điều lệ bổ sung, sửa đổi của Công ty cổ phần
Đường Kon Tum .

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ hiện hành của Công ty cổ phần Đường Kon Tum.

Hội đồng quản trị Công ty đã bổ sung, sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường Kon Tum phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và theo Phụ lục số 01 của Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính.

Nội dung toàn văn bản dự thảo Điều lệ bổ sung, sửa đổi đã được đăng tải tại website của Công ty theo địa chỉ: <https://ktsduongkontum.vn>

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét, thông qua./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đặng Việt Anh



Số: 07/TTr-HĐQT/2021

Kon Tum, ngày 21 tháng 12 năm 2021

TỜ TRÌNH
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
Về việc: Thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường Kon Tum.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, Hội đồng quản trị đã xây dựng Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và theo Phụ lục số 03 của Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính.

Nội dung toàn văn dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đã được đăng tải tại website của Công ty theo địa chỉ: <https://ktsduongkontum.vn>

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét, thông qua./.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Đặng Việt Anh



The stamp contains the text: S.Đ.K.KD.61012104-C.T.C.P. TP. KON TUM T. KON TUM

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG KON TUM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 08/TTr-BKS/2021

Kon Tum, ngày 21 tháng 12 năm 2021



TỜ TRÌNH

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Về việc: Thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông.

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Luật chứng khoán 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Đường Kon Tum.

Trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành, Ban Kiểm soát đã xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát phù hợp với thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và theo Phụ lục số 04 của Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính.

Nội dung toàn văn dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát đã được đăng tải tại website của Công ty theo địa chỉ: <https://ktsduongkontum.vn>

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét, thông qua./.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Nhi

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN DỰ THẢO



ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM
(KON TUM SUGAR JOINT STOCK COMPANY)

Kon Tum, tháng 12 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN MỞ ĐẦU	1
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	1
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	1
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	2
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và Thời hạn hoạt động của Công ty.....	2
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	2
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	3
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	3
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	5
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	6
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập.....	6
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	6
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	7
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	7
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	8
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	8
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	8
Điều 12. Quyền của Cổ đông.....	8
Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ đông.....	9
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	13
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	13
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua.....	17
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	<u>21</u>
Điều 25. Ứng cử và đề cử thành viên Hội đồng quản trị.....	<u>21</u>
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	22
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	<u>22</u>
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	24
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	<u>25</u>
Điều 31. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.....	26
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty.....	27
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	<u>27</u>
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	27
Điều 34. Người điều hành Công ty.....	28
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	28
IX. BAN KIỂM SOÁT	<u>29</u>
Điều 36. Ứng cử, đề cử kiểm soát viên	29
Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát	29
Điều 38. Trưởng ban kiểm soát.....	29
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	30
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	30
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát.....	31
X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC.....	31
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	31
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường.....	32
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	<u>32</u>
Điều 44. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	32
XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	<u>33</u>
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn.....	33
XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	33
Điều 46. Phân phối lợi nhuận.....	33
XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	<u>34</u>
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	34

Điều 48. Năm tài chính	34
Điều 49. Chế độ kế toán.....	34
XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN,	<u>35</u>
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	35
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	35
XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY	<u>35</u>
Điều 52. Kiểm toán.....	35
XVII. DẤU CỦA CÔNG TY	<u>35</u>
Điều 53. Dấu của Công ty.....	35
XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	<u>35</u>
Điều 54. Giải thể Công ty	35
Điều 55. Gia hạn hoạt động	36
Điều 56. Thanh lý	36
XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	<u>36</u>
Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	36
XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	<u>37</u>
Điều 58. Điều lệ Công ty	37
XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	<u>37</u>
Điều 59. Ngày hiệu lực	37

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông ngày tháng năm 2021.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "*Vốn điều lệ*" là tổng mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập công ty cổ phần và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "*Vốn có quyền biểu quyết*" là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. "*Luật Doanh nghiệp*" là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d. "*Luật Chứng khoán*" là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - e. "*Việt Nam*" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f. "*Ngày thành lập*" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g. "*Người điều hành Công ty*" là Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty;
 - h. "*Người quản lý Công ty*" bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty;
 - i. "*Người có liên quan*" là cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - j. "*Cổ đông*" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty cổ phần;
 - k. "*Cổ đông sáng lập*" là Cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty cổ phần;
 - l. "*Cổ đông lớn*" là Cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
 - m. "*Thời hạn hoạt động*" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua;
 - n. "*Sở giao dịch chứng khoán*" là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.
 - o. "*Công ty*" là Công ty Cổ phần Đường Kon Tum;
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn

bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: Công ty Cổ phần Đường Kon Tum.
- Tên tiếng Anh: Kon Tum Sugar Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: KTS.
- Logo:



2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Km2, Thôn Kon Rờ Bàn, Xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, Tỉnh Kon Tum, Việt Nam
- Điện thoại : 02606.289.549
- Fax : 02603.916168
- E-mail : ctyduongkontum@yahoo.com.vn
- Website : www.ktsduongkontum.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 54 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 55 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có 01 (một) người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

a. Người đại diện theo pháp luật, đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định

của pháp luật.

b. Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh và tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, Người có liên quan của mình làm chủ hoặc có Cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật.

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ nói trên.

3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 3 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì Người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất đường Chi tiết: Sản xuất đường, chế biến và kinh doanh các sản phẩm sau đường;	1072 (chính)

2	Trồng cây mía	0114
3	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
4	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
5	Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp	0130
6	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
7	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
8	Sản xuất phân bón và hợp chất nitơ	2012
9	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
10	Sửa chữa thiết bị điện	3314
11	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
12	Chuẩn bị mặt bằng (không bao gồm dò mìn và các loại tương tự tại mặt bằng xây dựng)	4312
13	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí	4322
14	Sửa chữa máy móc thiết bị	3312
15	Phá dỡ	4311
16	Lắp đặt hệ thống điện	4321
17	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
18	Bán buôn đồ thực phẩm Chi tiết: Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột	4632
19	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
20	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện	3510
21	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
22	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
23	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663

24	Xây dựng nhà các loại	4100
25	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
26	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
27	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết; - Bán buôn phân bón và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. - Bán buôn cón, mật - Kinh doanh mía giống, mía nguyên liệu	4669
28	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
29	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
30	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
31	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác Chi tiết: làm kênh mương nội đồng và giao thông vùng nguyên liệu mía	4290

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: Công ty được thành lập để huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh đường và các lĩnh vực khác nhằm phục vụ lợi ích cho các Cổ đông, tạo việc làm ổn định và thu nhập hợp lý cho người lao động, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với Nhà nước để Công ty luôn ổn định và phát triển.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép tiến hành các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh các ngành nghề khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn Điều lệ của Công ty là: **50.700.000.000 VND** (*bằng chữ: Năm mươi tỷ, bảy trăm triệu đồng*).

Tổng số Vốn điều lệ của Công ty được chia thành 5.070.000 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật

3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của Cổ đông nắm giữ từng loại cổ phần được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Công ty không có Cổ đông sáng lập.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các Cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần Cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho Cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các Cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.

7. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành, cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì Cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của Cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ

phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật. Việc thừa kế cổ phần sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp Cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu Cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là (07) bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại Khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách Cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm tương xứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi .

6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.
- d. Tổng Giám đốc.

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ Công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 120, Khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho Cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho Cổ đông;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng Cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm Cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các Cổ đông phổ thông có thể hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.

Điều 13. Nghĩa vụ của Cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có Cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì Cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

3. Tuân thủ Điều lệ Công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng

quản trị.

5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ Công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c. Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 2, Điều 115 của Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập họp đủ chữ ký của các Cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này;

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

d. Trong trường hợp này, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy cần thiết; Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do Cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

e. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 5, Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;

c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

e) Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;

- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và Cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết; hoặc ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ này.
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách Công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định Công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;
 - l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:

a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được Cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả Cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số Cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các Cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp

thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các Cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 Cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của Cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mọi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.

4. Trừ khi các điều khoản phát hành Cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp, và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 3, Điều 14, Điều lệ này.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a. Chuẩn bị danh sách các Cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội cổ đông. Danh sách Cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười (10) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách Cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các Cổ đông có quyền dự họp.

g. Các công việc khác phục vụ đại hội

3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các Cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của Cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các Cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi (21) ngày

trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các Cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các Cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông được theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên Cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của Cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nêu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số Cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp.

Điều 20. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký Cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các Cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký Cổ đông, Công ty cấp cho từng Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của Cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của Cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dùng đại hội để cho Cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho Cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho Cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

7. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 6 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

8. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để Cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về vấn đề Tổ chức lại, giải thể Công ty phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (Đại hội trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến).

2. Trừ các vấn đề phải được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại cuộc họp theo quy định tại Khoản 1 điều này, các vấn đề khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng một trong các hình thức như: Biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (đại hội trực tiếp hoặc trực tuyến hoặc kết hợp giữa trực tiếp và trực tuyến), lấy ý kiến bằng văn bản hoặc bằng các hình thức khác theo quy định của pháp luật:

- a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e. Thông qua Báo cáo tài chính hàng năm.
- f. Định hướng phát triển Công ty.
- g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

Hướng dẫn tham dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và thực hiện bỏ phiếu điện tử được quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

3. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

4. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 3 Điều này và Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

5. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 21 Điều lệ này;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích lấy ý kiến;
- c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với Cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của Cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của Cổ đông;
- d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi Phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của Cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của Cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của Cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số Cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách Cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được

thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các Cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số Cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các Cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký Cổ đông, đại diện Cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của Cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách Cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm

Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải lưu giữ tại trụ sở chính của Tổng Công ty.

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 21 Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

b) Trình độ chuyên môn;

c) Quá trình công tác;

d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;

g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các Công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới

40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quyết định của Đại hội cổ đông hoặc Quy chế bầu cử hoặc quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ và quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị từ ba (03) người đến mười một (11) người. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;

b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 08 thành viên;

c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty;

b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.

c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác.

d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty.

e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp.

f. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.

g. Quyết định các dự án đầu tư hoặc bán tài sản, thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị hoặc tỷ lệ cụ thể được quy định tại các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành (trừ các trường hợp thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông);

h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và những Người quản lý Công ty khác được quy định tại Điểm h Khoản 1 Điều 1 Điều lệ này; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

i. Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty;

j. Quyết định cơ cấu tổ chức, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

k. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

l. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

m. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

n. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

o. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, ban hành các

Quy chế quản lý nội bộ của Công ty,

p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ Công ty.

q. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng.

Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10 ngày) kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03 ngày) làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07 ngày) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số

lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và Cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công

việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và Trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Tổng giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty

và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 25 Điều lệ này.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty hoặc Quy chế bầu cử. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty từ ba (03) đến năm (05) thành viên, số lượng Kiểm soát viên cụ thể từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên

quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (hai) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban

kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo

quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các Cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các Cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.

3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách Cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa

đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông và nhóm Cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký Cổ đông của Công ty, danh sách Cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các Cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ Công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành Công ty.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do Cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do Cổ đông cung cấp mà Cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho Cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua Công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách Cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách Cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp:

- a) Quỹ khen thưởng và phúc lợi
- b) Quỹ thưởng HĐQT, BKS, Người quản lý Công ty và Người điều hành Công ty.
- c) Các quỹ khác.

Việc trích lập các quỹ nói trên do Đại hội đồng cổ đông quyết định cụ thể hằng năm. Việc sử dụng các quỹ thực hiện theo Quy chế tài chính hiện hành của Công ty.

7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 năm trước và kết thúc vào ngày 30 tháng 6 năm sau.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập hoặc tiêu chí lựa chọn và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn công ty kiểm toán độc lập tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVII. DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 53. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu

của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Kết thúc thời hạn hoạt động đã ghi trong Điều lệ Công ty mà không có quyết định gia hạn;
- b) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (7) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.

2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có số Cổ đông đại diện từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông tán thành.

Điều 56. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

- a) Các chi phí thanh lý;
- b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
- c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ Mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các Cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 57. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các Cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án. Đối với thủ tục trọng tài, bên thua kiện sẽ chịu mọi chi phí, kể cả phí luật sư của bên thắng kiện.

XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 58. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 59. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 Mục, 59 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường Kon Tum nhất trí thông qua ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại Công ty Cổ phần Đường Kon Tum và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại

trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Đặng Việt Anh

Số: /QĐ-HĐQT/2021

Kon Tum, ngày 21 tháng 12 năm 2021

BẢN DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc: Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần đường Kon Tum.**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty cổ phần đường Kon Tum;
- Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-HĐQT, ngày 10 tháng 09 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường Kon Tum về việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường Kon Tum;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký và thay thế cho Quyết định số 05/QĐ-HĐQT, ngày 10 tháng 09 năm 2008 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường Kon Tum.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành, các đơn vị và cá nhân có liên quan

chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty;

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-HĐQT/2021, ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường Kon Tum).*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

**Chương II
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên Vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những Người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý Công ty trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ Công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ ba (03) đến mười một (11) thành viên. Số lượng cụ thể thành viên Hội đồng quản trị từng thời kỳ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

d) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;

b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là Cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

đ) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục hai (02) nhiệm kỳ;

e) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ Công ty.

3. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn sáu (06) tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng quản trị khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết,

mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty. Thư ký Công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị Công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của Cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

Trường hợp Điều lệ Công ty không quy định khác thì việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các Cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các Cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quyết định của Đại hội cổ đông hoặc Quy chế bầu cử. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của Công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
- d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
- đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật

Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị hoặc tỷ lệ cụ thể được quy định tại các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Hội đồng quản trị ban hành, trừ trường hợp hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người quản lý khác quy định tại Điều lệ Công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở Công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; quyết định việc tạm ứng cổ tức.

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy

định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, Cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng mười hai (12) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và Người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của Cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những Người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ Công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các Cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các Cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách Cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách Cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng Cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ

trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý một (01) lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ Công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (3/4) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ Công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 16. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các Điều a, b, c, d, đ, e, g và h Khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V **BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH**

Điều 17. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các Điểm a, b và c Khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là ba mươi (30) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các Khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ Công ty không quy định thời hạn khác dài hơn.

Điều 18. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả

thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ Công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và Người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những Người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% Vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu

trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết, quyết định đề Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 22. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Sửa đổi, bổ sung quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Trong trường hợp có những quy định của pháp luật hoặc Điều lệ liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc có những quy định của pháp luật, Điều lệ khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật và Điều lệ đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động Công ty.

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần đường Kon Tum bao gồm 07 Chương, 24 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2021

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐƯỜNG KON TUM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-BKS/2021

Kon Tum, ngày 21 tháng 12 năm 2021

BẢN DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc: Ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty cổ phần đường Kon Tum.**

BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty Cổ phần đường Kon Tum;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đường Kon Tum;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Công ty cổ phần đường Kon Tum.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký. Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: VT, Thư ký Công ty;

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

TRẦN THỊ NHI

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-BKS/2021, ngày 21 tháng 12 năm 2021
của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đường Kon Tum)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Chương II THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là Cổ đông của Công ty.

3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

4. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là Cổ đông hoặc người lao động của Công ty trừ trường hợp Điều lệ Công ty có quy định khác;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10% tổng số Cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các Cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các Cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các Cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi Cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ Công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau

đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để Cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh

doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của Cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

18. Chịu trách nhiệm trước Cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.

20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và Cổ đông.

21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến Cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người

quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các Cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

Chương VII **SỬA ĐỔI BỔ SUNG QUY CHẾ VÀ ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22. Sửa đổi, bổ sung quy chế

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

Trong trường hợp có những quy định của pháp luật hoặc Điều lệ liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc có những quy định của pháp luật, Điều lệ khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật và Điều lệ đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động Công ty.

Điều 23. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần đường Kon Tum bao gồm 07 Chương, 23 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 12 năm 2021

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TRẦN THỊ NHỊ

Bản thảo

Kon Tum, ngày 21 tháng 12 năm 2021

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG KON TUM

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty CP Đường Kon Tum;

Vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Công ty CP Đường Kon Tum, Km2, xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum. Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 Công ty cổ phần Đường Kon Tum đã được tổ chức theo hình thức trực tuyến.

I - THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM VÀ MÃ SỐ DOANH NGHIỆP

1. Thời gian: Đại hội Đồng cổ đông thường niên Công ty cổ phần Đường Kon Tum được khai mạc vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 21 tháng 12 năm 2021.

2. Địa điểm tại trụ sở chính của Công ty CP Đường Kon Tum, Km2, xã Vinh Quang, Thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum và các điểm được kết nối trực tuyến.

3. Mã số doanh nghiệp: **6100228104**.

II- THÀNH PHẦN THAM DỰ

1. Hội đồng quản trị (HĐQT) 3/3 thành viên HĐQT dự họp, gồm:

- Ông Đặng Việt Anh Chủ tịch HĐQT.
- Ông Trần Ngọc Hiếu TV.HĐQT.
- Ông Thái Văn Hùng T.V HĐQT- P.Tổng giám đốc.
- Bà Đặng Thị Thu Hằng TGĐ Công ty

2. Ban Kiểm soát (BKS) 3/3 thành viên BKS dự họp, gồm:

- Bà Trần Thị Nhi Trưởng ban Kiểm soát.
- Bà Nguyễn Thị Thủy T.V Ban KS.
- Ông Nguyễn Đức Cần T.V Ban KS.

3. Ban Tổng Giám đốc:

- Ông Nguyễn Hữu Quảng - P. Tổng Giám đốc

III-TIẾN TRÌNH ĐẠI HỘI

PHẦN I
KHAI MẠC ĐẠI HỘI

1. Ông Nguyễn Đức Cần - Trưởng Ban kiểm tra tư cách cổ đông thay mặt Ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội, cụ thể như sau:

- Tổng số cổ đông chốt đến ngày đăng ký cuối cùng 19/11/2021 do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp là 456 cổ đông, sở hữu 5.070.000 cổ phần.

- Đến thời điểm 08 giờ 00 phút ngày 21 tháng 12 năm 2021. Tổng số cổ đông tham dự và ủy quyền làcổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu cho cổ phần có quyền biểu quyết chiếm% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Đối chiếu với quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đường Kon Tum đủ điều kiện tiến hành tổ chức Đại hội.

2. Ông Nguyễn Đức Cần - Trưởng ban tổ chức thay mặt Ban tổ chức Đại hội tiến hành Nghi lễ: Chào cờ.

3. Ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT trình bày diễn văn khai mạc Đại hội.

4. Ông Nguyễn Đức Cần thay mặt Ban tổ chức thông qua Chương trình Đại hội.

5. Ông Nguyễn Đức Cần thay mặt Ban tổ chức thông qua quy chế làm việc tại Đại hội.

6. Ông Nguyễn Đức Cần- Trưởng Ban tổ chức giới thiệu Nhân sự của Đại hội trình Đại hội quyết định như sau:

- Đoàn Chủ tọa điều hành Đại hội gồm:

+ Ông Đặng Việt Anh	- Chủ tịch HĐQT	- Chủ tọa đoàn
+ Ông Trần Ngọc Hiếu	- Thành viên HĐQT	- Ủy viên
+ Ông Thái Văn Hùng	- Thành viên HĐQT	- Ủy viên
+ Bà Đặng Thị Thu Hằng	- Tổng Giám đốc	- Ủy viên

- Ban thư ký Đại hội

+ Ông Phạm Ngọc Hòa	- Thư ký Công ty	- Trưởng ban.
+ Ông Nguyễn Tiến Cường	- Trưởng phòng NL&QLĐTNL-	Thành viên.

- Ban kiểm phiếu biểu quyết gồm:

+ Ông Nguyễn Sỹ Hà	- Phó phòng TCHC	- Trưởng ban.
+ Ông Trần Văn Danh	- Phó phòng KTTC	- Thành viên.

7. Ông Nguyễn Sỹ Hà - đại diện Ban kiểm phiếu hướng dẫn Đại hội biểu quyết và công bố kết quả biểu quyết như sau:

- Số lượng cổ đông tham gia và ủy quyền là: cổ đông, đại diện cho: cổ phần, chiếm:% số cổ phần có quyền biểu quyết.

*** Kết quả kiểm phiếu cho từng nội dung như sau:**

- Tổng số phiếu phát ra: đại diện choCP, chiếm % Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu thu về: đại diện cho CP, chiếm% Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không thu về: đại diện choCP, chiếm% Tính trên số CP biểu quyết dự họp

*** Kết quả bỏ phiếu:**

- Nhân sự Đoàn chủ tọa:

Tổng số phiếu hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Tổng số phiếu không hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết

- Nhân sự của Ban kiểm phiếu

Tổng số phiếu hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Tổng số phiếu không hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết

- Quy chế làm việc của Đại hội:

Tổng số phiếu hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Tổng số phiếu không hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết

- Chương trình làm việc của Đại hội:

Tổng số phiếu hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Tổng số phiếu không hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết

PHẦN II

TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH CỦA BAN ĐIỀU HÀNH, HĐQT, BAN KIỂM SOÁT

I. Bà Đặng Thị Thu Hằng - Tổng Giám đốc Công ty thay mặt Ban điều hành báo cáo: Kết quả sản xuất kinh doanh niên vụ 2020-2021 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh niên vụ 2021-2022.

(Thông tin chi tiết được đăng tải trong mục Tài liệu ĐHĐCĐTN trên Website của Công ty).

II. Ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch HĐQT thay mặt HĐQT Báo cáo kết quả hoạt động của HĐQT năm 2020-2021 và Định hướng hoạt động năm 2021-2022.

(Thông tin chi tiết được đăng tải trong mục Tài liệu ĐHCĐTN trên Website của Công ty).

III. Bà Trần Thị Nhi - Trưởng Ban KS: Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020-2021, Kế hoạch hoạt động năm 2021-2022 của Ban kiểm soát.

(Thông tin chi tiết được đăng tải trong mục Tài liệu ĐHCĐTN trên Website của Công ty).

IV. Bà Mai Thị Tuyết Nhung – KTT – Thừa ủy quyền của Hội đồng quản trị đọc các nội dung trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua, gồm:

1. Báo cáo tài chính năm 2020-2021 (bản tóm tắt) đã được kiểm toán.

Kết quả kinh doanh năm 2020-2021 như sau:

- Tổng doanh thu	: 248.218.462.434	đồng.
- Lợi nhuận trước thuế TNDN	: 7.277.377.803	đồng.
- Lợi nhuận sau thuế TNDN	: 5.671.643.333	đồng.
- Lãi cơ bản/cổ phiếu	: 1.007	đồng.

2. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020-2021.

- Lợi nhuận 30/06/2020 còn lại mang sang:	76.464.801.545	đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN năm tài chính 2020-2021:	5.671.643.333	đồng
- Phân phối lợi nhuận năm tài chính 2020-2021:	500.000.000	đồng
+ Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi :	500.000.000	đồng
- Lợi nhuận sau thuế TNDN đến 30/06/2021 còn lại chuyển sang năm sau :	81.636.444.878	đồng.

V. Ông Thái Văn Hùng – TV.HĐQT, thay mặt HĐQT, đọc các nội dung trình Đại hội Cổ đông xem xét thông qua, gồm:

3. Quyết toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS năm 2020-2021 và Dự toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS năm 2021-2022, cụ thể:

3.1. Quyết toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS, Thụ ký HĐQT năm 2020-2021: 1.080.064.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm tám mươi triệu, không trăm sáu mươi tư ngàn đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020-2021: 468.064.000 đồng.
- Thù lao của HĐQT, BKS, Thụ ký HĐQT 2020-2021: 612.000.000 đồng;

3.2. Dự toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS, Thụ ký HĐQT năm 2021– 2022 với tổng kinh phí: 1.412.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm mười hai triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Dự toán chi phí hoạt động của HĐQT, BKS: 800.000.000 đồng
- Dự toán mức thù lao của HĐQT, BKS, Thụ ký HĐQT: 612.000.000 đồng, cụ thể:
 - Chủ tịch Hội đồng quản trị : 15 triệu đồng/tháng.
 - Thành viên Hội đồng quản trị : 08 triệu đồng/người/tháng.
 - Trưởng Ban kiểm soát : 08 triệu đồng/tháng.

- Thành viên Ban Kiểm soát : 04 triệu đồng/người/tháng.
- Thư ký Công ty : 04 triệu đồng/tháng.

VI. Ông Nguyễn Đức Cần –TV.BKS, thay mặt BKS đọc nội dung trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét thông qua :

4. Kế hoạch lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021-2022 (Từ ngày 01/07/2021 đến hết ngày 30/6/2022)

- Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết được công bố hàng năm.
- Công ty kiểm toán trong nước và quốc tế có uy tín, khả năng, kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

VII. Ông Thái Văn Hùng – TV.HĐQT, thay mặt HĐQT đọc các nội dung trình Đại hội cổ đông xem xét thông qua, gồm:

5. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2021-2022 (từ 01/07/2021 đến 30/6/2022):

- Tổng doanh thu : 364.131 triệu đồng.
- Tổng chi phí : 359.502 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 4.629 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế : 3.088 triệu đồng.

6. Sửa đổi: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (Theo tài liệu đính kèm);

7. Ban hành: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (Theo tài liệu đính kèm)

VIII. Ông Nguyễn Đức Cần –TV.BKS, thay mặt BKS trình bày Tờ trình thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (Theo tài liệu đính kèm).

PHẦN III THẢO LUẬN TẠI ĐẠI HỘI

Ông Đặng Việt Anh thay mặt Chủ tọa đoàn, điều hành chương trình thảo luận tại đại hội gồm:

.....
.....
.....

PHẦN V KẾT QUẢ BIỂU QUYẾT CÁC NỘI DUNG TRÌNH ĐẠI HỘI

Ông Nguyễn Sỹ Hà thay mặt Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả kiểm phiếu trước Đại hội kết quả như sau:

- Số lượng cổ đông tham gia và ủy quyền là: cổ đông, đại diện cho: cổ phần, chiếm:% số cổ phần có quyền biểu quyết.

*** Kết quả kiểm phiếu cho từng nội dung như sau:**

- Tổng số phiếu phát ra: đại diện choCP, chiếm % Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu thu về: đại diện cho CP, chiếm% Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không thu về:đại diện choCP, chiếm% Tính trên số CP biểu quyết dự họp

1. Báo cáo của Tổng giám đốc về tình hình hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh năm tài chính 2020-2021 (Từ 01/07/2020 đến 30/06/2021), kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021-2022 (Từ 01/07/2021 đến 30/06/2022);

Tổng số phiếu hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Tổng số phiếu không hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết

2. Báo cáo hoạt động của Hội đồng Quản trị năm 2020-2021 và Định hướng hoạt động năm 2021-2022;

Tổng số phiếu hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Tổng số phiếu không hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết

3. Báo cáo của Ban Kiểm soát năm 2020-2021 và Chương trình hoạt động năm 2021-2022;

Tổng số phiếu hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Tổng số phiếu không hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết

4. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2020 - 2021;

Tổng số phiếu hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Tổng số phiếu không hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết

5. Phân phối lợi nhuận năm 2020- 2021

Tổng số phiếu hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
----------------------	---	-------------------------------

Số phiếu tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Tổng số phiếu không hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết

6. Quyết toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS năm 2020 - 2021 và Dự toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS năm 2021 - 2022.

Tổng số phiếu hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Tổng số phiếu không hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết

7. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 -2022.

Tổng số phiếu hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Tổng số phiếu không hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết

8. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 -2022:

Tổng số phiếu hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Tổng số phiếu không hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết

9. Sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum;

Tổng số phiếu hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Tổng số phiếu không hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết

11. Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty Cổ phần Đường Kon Tum;

Tổng số phiếu hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0	0 % số CP có quyền biểu quyết

Tổng số phiếu không hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
----------------------------	---	-------------------------------

12. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đường Kon Tum;

Tổng số phiếu hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Tổng số phiếu không hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết

15. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền, giao nhiệm vụ cho Hội đồng Quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội thường niên năm 2021.

PHẦN V

THÔNG QUA BIÊN BẢN, NGHỊ QUYẾT VÀ BẾ MẠC ĐẠI HỘI

1. Ông Phạm Ngọc Hòa thay mặt Ban thư ký thông qua Dự thảo Biên bản họp ĐHĐCĐ TN 2021 và dự thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Đường Kon Tum.

2. Ông Nguyễn Sỹ Hà thay mặt Ban kiểm phiếu báo cáo trước Đại hội kết quả biểu quyết thông qua nội dung Dự thảo Biên bản họp và Nghị quyết ĐHĐCĐTN2021, chi tiết như sau:

- Số lượng cổ đông tham gia và ủy quyền là: cổ đông, đại diện cho: cổ phần, chiếm:% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Đại hội Biểu Quyết

- Tổng số phiếu phát ra: đại diện choCP, chiếm % Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu thu về: đại diện cho CP, chiếm% Tính trên số CP biểu quyết dự họp.

- Tổng số phiếu không thu về:đại diện choCP, chiếm% Tính trên số CP biểu quyết dự họp

Kết quả kiểm phiếu cho từng nội dung như sau:

01. Biên bản họp ĐHĐCĐTN 2021

Tổng số phiếu hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Tổng số phiếu không hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết

02. Nghị quyết ĐHĐCĐTN 2021

Tổng số phiếu hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không tán thành	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
Số phiếu không có ý kiến	0	0 % số CP có quyền biểu quyết

Tổng số phiếu không hợp lệ	0	0 % số CP có quyền biểu quyết
----------------------------	---	-------------------------------

3. Ông Đặng Việt Anh - Chủ tịch Đoàn đọc diễn văn bế mạc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 Công ty Cổ phần Đường Kon Tum.

Đại hội kết thúc vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày./.

**TM. BAN THƯ KÝ ĐẠI HỘI
TRƯỞNG BAN**

**TM. ĐOÀN CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỌA ĐOÀN**

Đặng Việt Anh

Bản thảo

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Đường Kon Tum;

- Căn cứ Biên bản Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 21/12/2021 của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum;

Sau thời gian làm việc khẩn trương với tinh thần trách nhiệm, thẳng thắn và hiệu quả; Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum đã thống nhất:

QUYẾT NGHỊ

Điều 1. Đại hội thống nhất thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo của Tổng giám đốc công ty về kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020-2021 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021-2022 .

2. Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2020-2021 và Định hướng hoạt động năm 2021-2022.

3. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020-2021; Kế hoạch hoạt động năm 2021-2022.

4. Báo cáo tài chính năm 2020-2021 đã được kiểm toán.

Kết quả kinh doanh năm 2020-2021 như sau:

- Tổng doanh thu : 248.218.462.434 đồng.

- Lợi nhuận trước thuế TNDN : 7.277.377.803 đồng.

- Lợi nhuận sau thuế TNDN : 5.671.643.333 đồng.

- Lãi cơ bản/cổ phiếu : 1.007 đồng.

5. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020-2021.

5.1. Lợi nhuận 30/06/2020 còn lại mang sang: 76.464.801.545 đồng

5.2. Lợi nhuận sau thuế TNDN năm tài chính 2020-2021: 5.671.643.333 đồng

5.3. Phân phối lợi nhuận năm tài chính 2020-2021: 500.000.000 đồng

+ Trích quỹ Khen thưởng phúc lợi : 500.000.000 đồng

5.4. Lợi nhuận sau thuế TNDN đến 30/06/2021 còn lại chuyển sang năm sau :

81.636.444.878 đồng.

6. Quyết toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS năm 2020-2021 và Dự toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS năm 2021-2022, cụ thể:

6.1. Quyết toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2020-2021: **1.080.064.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ, không trăm tám mươi triệu, không trăm sáu mươi tư ngàn đồng chẵn).**

Trong đó:

- Chi phí hoạt động của HĐQT, BKS năm 2020-2021 : **468.064.000 đồng.**
- Thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT 2020-2021 : **612.000.000 đồng;**

6.2. Dự toán chi phí hoạt động và thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT năm 2021– 2022 với tổng kinh phí: **1.412.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ bốn trăm mười hai triệu đồng chẵn).**

Trong đó:

- Dự toán chi phí hoạt động của HĐQT, BKS: 800.000.000 đồng
- Dự toán mức thù lao của HĐQT, BKS, Thư ký HĐQT: 612.000.000 đồng, cụ thể:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 15 triệu đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng quản trị : 08 triệu đồng/người/tháng.
- Trưởng Ban kiểm soát : 08 triệu đồng/tháng.
- Thành viên Ban Kiểm soát : 04 triệu đồng/người/tháng.
- Thư ký Công ty : 04 triệu đồng/tháng.

7. Kế hoạch lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021-2022 (Từ ngày 01/07/2021 đến hết ngày 30/6/2022): Thống nhất ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn Công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021-2022, đảm bảo các điều kiện được quy định như sau:

- Công ty kiểm toán và kiểm toán viên được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết được công bố hàng năm.

- Công ty kiểm toán trong nước và quốc tế có uy tín, khả năng, kinh nghiệm, đáp ứng được yêu cầu của Công ty.

8. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tài chính 2021-2022 (từ 01/07/2021 đến 30/6/2022):

- Tổng doanh thu : 364.131 triệu đồng.
- Tổng chi phí : 359.502 triệu đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 4.629 triệu đồng.
- Lợi nhuận sau thuế : 3.088 triệu đồng.

9. Đại hội thông qua toàn văn Điều lệ tổ chức và hoạt động đã được bổ sung, sửa đổi của Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (Theo tài liệu đính kèm);

10. Đại hội thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (Theo tài liệu đính kèm);

11. Đại hội thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Đường Kon Tum (Theo tài liệu đính kèm);

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Đường Kon Tum ủy quyền, giao nhiệm vụ cho Hội đồng Quản trị chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nội dung đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua tại Đại hội thường niên năm 2021.

Điều 3. Nghị quyết này đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua với tỷ lệ tán thành% số phiếu có quyền biểu quyết tham dự Đại hội và có hiệu lực từ ngày 21/12/2021. Cổ đông, các Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc điều hành Công ty cổ phần Đường Kon Tum có trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 2021
CHỦ TỊCH HĐQT- CHỦ TỌA ĐẠI HỘI**

Đặng Việt Anh